

THU GIANG
NGUYỄN DUY CẦN

VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC
MIỀN NAM VIỆT NAM
ĐI VỀ ĐÂU?

NAM HÀ XUẤT BẢN
1970

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN:

- I. DUY TÂM VÀ DUY VẬT (1935)
- II. TOÀN CHÂN TRIẾT LUẬN (1936)
- III. THANH DẠ VĂN CHUNG (1939)
- IV. CÁI DŨNG CỦA THÁNH NHÂN (1951)
- V. ÓC SÁNG SUỐT (1952)
- VI. THUẬT TƯ TƯỞNG (1953)
- VII. THUẬT XỬ THẾ CỦA NGƯỜI XƯA (1954)
- VIII. TRANG TỬ TINH HOA (1956)
- IX. VĂN MINH ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG (1957)
- X. TÔI TỰ HỌC (1959)
- XI. THUẬT YÊU ĐƯƠNG (1961)
- XII. MỘT NGHỆ THUẬT SỐNG (1962)
- XIII. LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH (1962)
- XIV. TRANG TỬ NAM HOA KINH (1963)
- XV. LÃO TỬ TINH HOA (1963)
- XVI. PHẬT HỌC TINH HOA (1965)
- XVII. ĐỀ TRỞ THÀNH NHÀ VĂN (1968)
- XVIII. CÁI CƯỜI CỦA THÁNH NHÂN (1970)
- XIX. VĂN HÓA, GIÁO DỤC MIỀN NAM (1970)

SẮP XUẤT BẢN:

- I. DỊCH HỌC TINH HOA
- II. TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG NHẬP MÔN
- III. TÂM SỰ NGƯỜI XƯA
- IV. ĐẠO HỌC ĐÔNG PHƯƠNG TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY
- V. THUẬT DƯỠNG SINH CỦA ĐÔNG PHƯƠNG ĐẠO HỌC
- VI. CHU DỊCH HUYỀN GIẢI (Bản dịch có bình chú và nguyên văn đối chiếu)
- VII. LIỆT TỬ XUNG HƯ CHÂN KINH (Bản dịch có bình chú và nguyên văn đối chiếu)

Những thời buổi tăm tối nhất lại cũng là những thời buổi mà ánh sáng huy hoàng nhất.

Les époques les plus sombres sont aussi celles où jaillit le mieux la lumière.

Hermann de KEYSERLING

Chỉ có thể có được những sáng tạo và những sáng kiến quyết định trong những nơi nào tập trung được một số ít người trách nhiệm

Il n'y a possibilité de création et d'initiatives vigoureuses que dans une concentration des responsabilités en un petit nombre de mains.

Gilbert GADOFFRE

Xin cứ để cho tôi đốt ngọn đèn của tôi đi... mà đừng bao giờ hỏi nó sẽ làm tan được bóng tối hay không?

R. TAGORE

I

VĂN HÓA MIỀN NAM VIỆT NAM HIỆN ĐANG ĐI ĐẾN ĐÂU VÀ SẼ ĐI VỀ ĐÂU?

Phải có gan nhìn nhận rằng: trên thực tế đã từ bao năm, nền văn hóa của miền Nam Việt Nam khốn khổ quá! Từ trước đến giờ, chính quyền đã lơ là bỏ qua, không thực tâm nghĩ đến những con người thực tâm xây dựng văn hóa. Những con người làm văn hóa có ý thức thì lại bị lãng quên hay bị xem thường, nghĩ là không bao giờ được nâng đỡ, lắm khi lại còn gặp nhiều trở ngại trong những công trình âm thầm xây dựng của họ. Đã cả mấy chục năm nay, người ta ít thấy những tác phẩm đề cao tính gia đình, nghĩa dân tộc trong đại gia đình là nhân loại. Nhan nhản ở các quán sách đa số chỉ là một loại tiểu thuyết dân tình, đề cao những mối tình nhơ nhớp, lãng mạn, phóng túng, lại còn miệt thị những con người cao thượng, nếu không thì lấy họ làm mục tiêu châm biếm, chế diễu... Thậm chí, còn có cả những sách cho trẻ em để dạy chúng chửi lại mẹ cha và thầy học... Lại cũng có những sách giáo khoa trong đó những kẻ vô trách nhiệm thì đua làm tiền, dám đề cao cả những lý thuyết gây thù hận nuôi căm hờn là khác... Việc ấy hẳn không còn ai lưu tâm đến tiền đồ dân tộc mà không nhận thấy sự đe dọa khủng khiếp của nó.

Cái nền tảng văn hóa miền Nam có phải vì đó mà sụp đổ chẳng? Không! Là vì vẫn còn những con người làm văn hóa chân chánh rất ý thức đến sự tồn vong của dân tộc, họ cần được nâng đỡ và tập trung, được tổ chức một cách hợp lý để công việc làm của họ có nhiều hiệu quả hơn.

Từ trước đến nay, không riêng gì ở khu vực văn hóa nước nhà, đâu đâu cũng thấy *thiếu sự thống nhất đường lối trong các cơ quan Văn hóa, Giáo dục, Xã hội và Chính trị*. Ở các cơ quan văn hóa công hay tư thì mạnh ai nấy làm, không đường lối chung, nên chỉ thường có những sự đâm chân lên nhau, làm phí tổn nhiều về nhân lực và thời giờ vô ích. Lại chẳng có kế hoạch nào, hoặc chương trình chung nào... như có những cái cần làm trước lại không được nghĩ đến hoặc thi hành, có việc phải làm sau lại được thi hành trước và xúm nhau cùng làm một việc – nghĩa là việc làm tùy hứng của mỗi cá nhân mà không nhằm vào kế hoạch chung cho toàn thể. Bởi vậy, con đường tiến triển của văn hóa chậm lại, có khi mâu thuẫn, khiến văn hóa nước nhà không lên kịp với đà tiến bộ chung của các nước bạn, và cũng không có đủ cơ sở và sinh khí khả dĩ chống lại một cách hữu hiệu

sự *quá đà* của những ý thức hệ vật chất vô thần thiên lệch đang như song vũ bờ tràn ngập khắp chốn.

Như chúng ta đều biết: Văn hóa mà không có giáo dục là một thứ văn hóa suông và không tương, không có môi trường áp dụng trong đời. Nhưng giáo dục mà không có văn hóa thì chỉ còn lại một lối giáo dục từ chương khoa cử, vá vúi và không hồn.

Bất cứ một cuộc cách mạng nào điều phải có một nền tảng văn hóa làm căn bản, một ý thức hệ rõ ràng và thích ứng với hiện tình của quốc gia dân tộc hầu đưa nước nhà đến một mức sống tinh thần cao đẹp hơn xưa xứng đáng với danh từ là “*văn hiến chi bang*”.

Nền văn hóa nước nhà còn hỗn loạn, nền giáo dục chưa có đường lối rõ ràng và thiếu tinh thần văn hóa khiến cho sự tổ chức xã hội càng ngày càng thêm rối rắm. Đó là một nhận xét chung mà bất cứ ai thành thật với mình không thể phủ nhận.

Nền văn hóa nước nhà, chưa lúc nào bằng lúc này bị phá sản đủ mọi phương diện. Sự tự do quá trớn đã làm cho xã hội mất thăng bằng. Trên thi văn hóa nói chung chưa tìm ra một ý thức hệ rõ ràng. Nền giáo dục cũng chưa có hẳn một đường lối rõ rệt. Xã hội chịu ảnh hưởng lây, nên cũng chưa có được một tổ chức hợp lý. *Văn hóa, Giáo dục và Xã hội phải là ba chân vạc, liên lạc nâng đỡ nhau một cách chặt chẽ khít khao, không thể đơn phương mà đứng vững được. Ở xã hội ngày nay Đạo học và Khoa học không thể rời nhau. Khoa học mà không có Đạo học là sự bại hoại của tâm hồn.* Chân lý là sự tổng quát của hai đối cực, chứ không phải sự đề cao cái này để phủ nhận cái kia. Đông phương Đạo học cũng như Tây phương Khoa học là hai bộ phận của khối óc chung của Nhân loại: hễ một bộ phận mà bị tê liệt thì toàn thể phải suy đồi.

Tự do đâu có nghĩa là mọi người trong mọi khu vực được tha hồ ai đi đường nấy, loạn xạ, xà ngẫu, dẫn chân lên nhau mà đi, trong khi bên đối phương của thế giới tự do của chúng ta, người ta đã có một đường lối văn hóa hẳn hoi, một ý thức hệ rõ ràng hướng dẫn toàn thể hành động xây dựng và truyền bá trong tất cả mọi ngành hoạt động của họ, mặc dù đường lối của họ là đường lối đưa cá nhân làm công cụ cho một chế độ đề cao giai cấp này để phủ nhận giai cấp kia, lấy xã hội này làm mục tiêu mà cá nhân làm phương tiện, họ đang truyền bá và thực hiện một thứ văn hóa nô dịch.

Tuy vậy, cái văn hóa nô dịch ấy với sự đe dọa khủng khiếp của nó đã giúp cho những con người trong thế giới tự do càng ý thức rõ vai trò của một nền văn hóa tự do để mà chinh đồn lại, củng cố nó thêm mạnh mẽ. Nhưng để tìm một ý thức hệ khả dĩ vững vàng để đối phó với ý thức hệ quá thiên lệch của họ, ta lại càng không nên tìm cách chống đối và tận diệt họ, mà chỉ chống đối lại sự quá đà của họ. Phải vượt *lên trên, cao*

hơn họ, hầu lập lại cái thế quân bình đã bị họ làm mất: cái thế quân bình giữa vấn đề cá nhân và xã hội. Xã hội không quyền giết chết cá nhân; cá nhân không quyền làm loạn xã hội. Cá nhân là một thực tại, mà xã hội cũng là một thực tại, và cả hai không thể rời nhau mà tồn tại: cả hai là một. Cá nhân chủ nghĩa cũng như xã hội chủ nghĩa đều có những thành kiến sai lầm tai hại mà chúng ta cần đặt lại. Và đó là một chân lý bất di bất dịch. Đề cao cá nhân để phủ nhận xã hội, cũng như đề cao xã hội để phủ nhận cá nhân đều là những nhận xét sai lầm tai hại. Sai lầm, vì đã đưa ra một nhận xét phiến diện. Cho nên không thể nói đó là sai lầm hoàn toàn, mà phải nói đó là một thức chân lý phiến diện của đôi bên. Ta cần phải có một cái nhìn tổng quát hơn, thấy được bề mặt cũng phải nhìn thêm bề trái¹. Như thế, đã đến lúc chúng ta cần phải làm lại một cuộc thẩm định về mọi giá trị căn bản của văn hóa, giáo dục, xã hội hiện thời.

¹ Sự có mặt của đôi bên để nhắc nhở cho nhau, để kiểm chế lẫn nhau: cá nhân chủ nghĩa nhắc nhở cho xã hội chủ nghĩa cái hiện thực của cá nhân, cũng như xã hội chủ nghĩa nhắc nhở cho cá nhân chủ nghĩa sự hiện thực của xã hội. Sự quan hệ mật thiết giữa cá nhân và xã hội như cá với nước.

II

ĐẶT LẠI NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI NGÀY NAY

Với cái nhìn tổng quan, ta thấy toàn là rời rạc, vá vúi, mâu thuẫn, hỗn động... Con người, từ con người văn hóa, con người giáo dục hay văn nghệ... già trẻ, cũ mới... phần đông đều cảm thấy như kẻ đứng trước một chân trời mờ mịt và âm u quá? Xã hội văn minh ngày nay sẽ đưa chúng ta về đâu? Hiện trạng chung phải chăng là hiện trạng của sự tan rã đến tận xương tủy của tâm hồn: tan rã bên trong giữa tình và lý, tan rã bên ngoài giữa xã hội và cá nhân.

Xã hội đâu đâu đều thấy tràn ngập bất công đủ mọi hình thức và tình thế ngày càng trở nên trầm trọng. Bất công đã biến xã hội càng ngày càng thêm mục nát... và trên đó mới mọc được mầm chồi của chủ thuyết “giai cấp đấu tranh”. Và đấu tranh đến tiêu diệt đối phương. Nghĩa là tiêu diệt giai cấp ưu thế. Người dân, phần đông là nạn nhân của bất công xã hội bên khao khát, đòi hỏi công bằng, và nhân sự đòi hỏi công bằng, họ đi đến sự đòi hỏi bình đẳng, một thứ “*bình đẳng san bằng nhất luật*” bất chấp luật “*bất bình đẳng tự nhiên*” của thiên nhiên. Các phong trào chống đối nhân đó mà càng ngày càng bành trướng, càng ngày càng trở thành một thứ bệnh cấp chứng đến nỗi không còn có một cái gì mà người ta không ngờ vực, không nghi kỵ, không chống đối, không đập đổ, không phỉ báng... Những gì gọi là thiêng liêng cao cả nhất, cũng đã bị nghi ngờ nếu không nói là bị phủ nhận... người ta, nhất là người thanh niên ngày nay, đã mất cả tin tưởng nơi những gì cao quý mà ngành sang về con đường đòi truy tinh thần... không phải vì họ là những con người không lý tưởng, không tin tưởng..., mà thực sự vì họ là những người đã quá tin tưởng, đã quá say sưa vì lý tưởng, nhưng họ đã bị xã hội quá phũ phàng! Bởi vậy họ là những nạn nhân của thời cuộc, của bất công trắng trợn quá, nên họ đã chấp nhận một cách liêu lĩnh bất cứ một ngụ thuyết nào có thể phá hoại được cái xã hội mà họ đang nguyên rủa... và cũng chả cần đắn đo lo nghĩ ngày mai rồi sẽ ra sao?

Sự tranh đấu công khai hoặc ngầm ngầm giữa mọi giai cấp do bất công xã hội gây ra... đã đi đến tình trạng một mất một còn, và người ta đã nói đến sự cần phải thủ tiêu một giai cấp để cho giai cấp đối phương thay thế... do một số không nhỏ các nhà văn nhà

báo chuyên môn kích thích lòng căm phẫn hận thù và được mạng danh là phái “xã hội cấp tiến”. *Vậy, quan niệm sai lầm về Bình đẳng và Tự do cần phải được xét lại trước hết, vì nó là vấn đề then chốt mà ta cần phải đặt lại nghiêm chỉnh, trước khi bắt đầu cuộc cách mạng thực sự về văn hóa và xã hội.*

*

Bình đẳng là vấn đề nòng cốt đã thành khẩu hiệu tranh đấu lý tưởng của người dân đau khổ... không riêng gì ở nước ta mà nó đã tràn lan cùng khắp thế giới...

Thật sự, danh từ bình đẳng là một danh từ hết sức mờ mờ... Vì quá mờ mờ nên nó đã được khai thác đủ mọi phương diện cực kỳ mâu thuẫn. Đòi hỏi bình đẳng đã trở thành một phong trào, một mặt trận, và đã gây nhiều tai họa khủng khiếp nhất và trầm trọng nhất của thế hệ và chúng ta đang trải qua. Nó đã làm cho nhân loại *chia rẽ* bắt đầu từ gia đình, các đoàn thể, các tôn giáo giai cấp, đến các quốc gia, dân tộc... Mọi người đều nghĩ và không thể chấp nhận được tại sao lại không phải là mình, mà là kẻ kia người nọ? Tại sao ta lại không được đặt ngang hàng với kẻ khác bất cứ là ai, bất cứ là về việc gì? Một nhà chánh khách nào cũng muốn nắm được chính quyền, một anh lao công nào cũng mong lật đổ giai cấp phú hào để rồi một ngày kia chính mình sẽ ngồi lên địa vị ấy. Mĩa may thay, những kẻ ghét bất công và độc tài hơn ai cả, ngày mà họ thắng thế.

Rồi thì cái vòng lẩn quẩn cứ thế mà xoay mãi... không bao giờ ngưng. Nghĩa là độc tài kêu gọi cách mạng. Cách mạng đòi hỏi tự do, nhưng mà tự do quá trớn (vì đó là phản ứng tự nhiên của độc tài) rồi sẽ kêu gọi đến độc tài để ổn định lại tình thế... Và như vậy nhân loại cứ từ điều linh này đến điều linh kia trong cái vòng lẩn quẩn, không bao giờ hưởng được một ngày nào hạnh phúc...

Đó là lối giải quyết túng cùng một mặt và một chiều, đã làm cho xã hội loài người từ xưa đến nay chưa bao giờ ổn định được. Phải nhìn nhận rằng chúng ta đang sống trong một xã hội cực kỳ mâu thuẫn và chưa đựng đầy nghịch thuyết: các luồng tư tưởng trái nghịch nhau như sóng còn đại hải, va chạm nhau như trong các trận cuồng phong vũ bão...

Thế rồi con người không rõ mình muốn cái gì? Vừa muốn Tự do, lại cũng vừa dùng toàn những phương tiện nô lệ để giáo dục trẻ con, biến những công dân thành những con vật hy sinh cho những chế độ độc tài... Nhà văn Guglielmo Ferrero, trong quyển *Discours aux Sourds* (thuyết lý với người điếc) có viết:

“Ta có biết ta muốn cái gì không, đó mới là vấn đề quan trọng nhất. Mỗi một người của chúng ta và bất cứ giờ phút nào, phải luôn luôn tự mình nêu lên câu hỏi ấy, cùng như ngày đêm ta phải chong mãi một ngọn đèn ở những góc cạnh hiểm hóc nhất của cõi

lòng. Bằng không, tất cả sẽ trở thành hỗn độn trong ý muốn của ta. Ý muốn của ta, khi thì nó biến dạng thành những hình thức mâu thuẫn, nghĩa là vừa muốn cái này, lại vừa muốn cái khác nghịch lại, nghĩa là so ước cả những gì không thể chung đụng nhau... khi thì nó tự che dấu dưới những tấm màn hoa lệ giả dối, để tự nhủ mình so ước cái này mà kỳ thực lại mong muốn cái kia có khi hoàn toàn trái nghịch. Khi thì nó sa đà vượt khỏi ngoài thực tế và lý trí vì bị hoa mắt trước một ảo vọng hoàn toàn không tưởng, nhưng vô cùng đẹp đẽ... Sự hỗn độn trong ý muốn... chính là cái bệnh nguy hiểm nhất mà thời buổi chúng ta đang mắc phải và đang hấp hối...”

Phải chăng đây là những lời bí hiểm... hay là những lời tiên tri sáng suốt...

Một vài thí dụ sau đây: ... sẽ làm thêm sáng tỏ ý nghĩa sâu sắc câu nói bí hiểm trên đây... mà nhà văn Ferrero đã đặc biệt biểu tợng những kẻ vì thành kiến cố hữu cố tình làm “điếc”, nhất định không thèm nghe những câu chân lý trái với lòng mong muốn của mình.

*

1) Đòi hỏi *Bình đẳng*, nhưng quái thay, bản tánh của con người lại *không bao giờ muốn có bình đẳng*. Muốn vượt lên khỏi người đồng loại, đó là yếu tố cần thiết của tiến bộ và phải chăng cũng là đặc tính của con người? Trong đời có kẻ thắng thế nào lại chịu chấp nhận sự đồng đẳng và bình đẳng đối với người thất thế không? Có chăng là bởi họ bị kẻ thất thế kêu ca đòi hỏi và cưỡng ép.

Mỗi khi ta nghe một người nào đòi hỏi bình đẳng, tức đó là một cái cớ để họ vượt lên cao hơn nữa. Cho nên họ chỉ chịu chia của với kẻ giàu hơn họ, chứ không chịu chia của họ với kẻ nghèo hơn, nghĩa là đối với kẻ giàu, họ đòi bình đẳng để được chia của, trái lại, đối với kẻ nghèo hơn, chia của tức là tự bớt đi để được đồng đều. Bình đẳng chỉ là một giai đoạn trên con đường vượt lên của chúng ta. Sau đó, mỗi người đều cố gắng tranh đấu để leo lên những địa vị cao hơn, ngay trong đoàn thể của họ. Nhân đó ta thấy xảy ra luôn luôn những cuộc tranh giành địa vị và sự dèm pha ganh tị ngay trong các đoàn thể. Tarde đã nói rất đúng: “bình đẳng chỉ là một sự chuyển giao giữa hai cấp bậc, cũng như tự do là con đường giao thông giữa hai kỷ luật”.

Ai là kẻ cam tâm chịu giữ mãi cấp bậc của mình? Giữ mãi địa vị khiêm tốn của mình? Là một lao công có tài, một sĩ quan thiện chiến, một giáo sư có nhiều năng khiếu... không ai lại không muốn thấy mình vượt lên trên các đồng nghiệp... Không được làm một ngôi sao sáng giữa trời cao, thì cũng muốn là một ngọn đèn trong căn phòng tối. Dù là một kẻ không được tạo hóa ưu đãi, sút kém đồng loại đủ mọi phương

diện cũng muốn với tài hèn trí siển của mình, làm được công trình gì cho người chung quanh khen tặng.

Điều mà người ta sợ nhất là đóng vai một kẻ tầm thường, không có một đặc biệt nào để được người chú ý. Vì vậy, có những kẻ quá tầm thường lại tỏ ra ngạo nghễ xác xược và thích “nổi loạn”, nhất là trong hàng thanh niên tầm thường với mục đích được người lưu ý. Và nếu tự mình với sức hèn tài mọn không đủ vượt lên, người ta sẽ tìm thể vượt lên bằng cách tụ họp với nhau lập thành hội đảng. Họ lập hội này hội kia, hoặc tách ra khỏi các hội đảng lớn để lập thành những chi nhánh riêng biệt, nơi đó họ sẽ đóng vai trò thủ lĩnh để khỏi phải bị chìm trong đám đông. Mỗi tập đoàn văn nghệ, tôn giáo, khoa học tuy đều có mục đích phục vụ lý tưởng chân, thiện, mỹ... nhưng bao giờ cũng có ẩn ý phục vụ cho quyền lợi riêng tư của các hội viên không mấy gì cao đẹp. Có tập đoàn dùng hậu thuẫn của số hội viên để làm áp lực đối với các đoàn thể khác, hoặc để biểu dương lý tưởng của mình và bắt đoàn thể khác phải quy phục, hoặc để được đóng vai trò lãnh đạo. Ta há chẳng thấy có nhiều đảng phải chính trị tách phân ra nhiều chi nhánh vô số kẻ... chẳng qua là có nhiều hội viên không muốn thấy mình đóng vai trò tầm thường, họ sợ dĩ tách ra khỏi đoàn thể chánh để đóng vai trò lãnh tụ trong các chi nhánh nhỏ nhỏ của họ. “Thà làm đầu con gà, hơn làm đít con trâu” đó là tâm sự thiết tha nhất phần đông chúng ta vậy.

Và mỗi đoàn thể văn nghệ, chính trị hay nghề nghiệp... đều tự xem là đại diện cao nhất trong các đoàn thể khác.

Dù là một chiến sĩ hăng say nhất của chủ thuyết bình đẳng nhất luật... nếu họ cần dùng phải quyết định trong việc riêng của họ, bao giờ họ cũng sẽ cẩn thận không bừa bãi trong việc lựa chọn. Họ đau, chắc chắn họ sẽ không lựa bừa bãi một ông y sĩ nào. Họ chọn bạn trăm năm, chắc chắn họ sẽ không lựa chọn bừa bãi bất cứ người đàn bà hay đàn ông nào... Ngay quần chúng đi xem đấu vũ hay các trận cầu... bao giờ cũng thích sùng bái kẻ giỏi, những đoàn cầu thủ tài ba lỗi lạc...

Tóm lại, bản tánh của loài người không bao giờ chấp nhận sự tầm thường, không bao giờ chấp nhận được có sự ngang bằng với nhau bất cứ trong ngành hoạt động nào trong xã hội, mà luôn luôn ta có khuynh hướng ấn định thứ hạng cấp bậc và dĩ nhiên có khuynh hướng sùng bái vĩ nhân. Nếu mọi người đều được cùng chung một quyền lợi thì sự thụ hưởng sẽ mất liên hứng thú; trái lại người ta cảm thấy sung sướng khi mình được hưởng những gì kẻ khác không có và thêm thuồng.

Và như thế, làm sao ta có thể chấp nhận được sự bình đẳng trong lý thuyết, khi mà tự bản thân, ta không bao giờ có thể chấp nhận có được tình trạng ấy?

2) Một điều khác nữa mà ta cần suy xét, là “*chỉ có đồng đẳng mới bình đẳng*”. Người ta bảo rằng đây là lý lẽ của kẻ mạnh để không chấp nhận sự ngang hàng với kẻ sút kém, phải biết an phận trong giai cấp của mình. Không, đây là một chân lý, một cái luật thiên nhiên của tạo hóa mà chúng ta phải chấp nhận, dù là chua cay đến bậc nào. Không có một xã hội, dù dân chủ đến đâu lại có thể chấp nhận cho những kẻ không đồng đẳng được bình đẳng với nhau.

Con người sinh ra có kẻ thông minh người ngu độn, kẻ mạnh người yếu, kẻ khôn người dại,... thể chất, tinh thần không ai giống ai. Ngay như con cái trong nhà cùng một huyết thống, cùng một hoàn cảnh, cùng một giáo dục như nhau... thế mà, như người thường ví, bàn tay có ngón dài ngón vắn... Thì dù tất cả đều là thông minh, sự thông minh dĩ nhiên có nhiều cấp bậc khác nhau, và tâm tính cũng mỗi người một vẻ... Đó là những “bất bình đẳng tự nhiên” điều kiện tất yếu để có thể luôn luôn tiến bộ mà ta phải chấp nhận...

*

Như ta đã xét qua, thì bình đẳng chắc chắn không có trong quá khứ và hiện tại... nhưng ta có thể nào quan niệm rằng trong tương lai ý tưởng ấy sẽ được thực hiện như các nhà “xã hội chủ nghĩa” ước mong và tuyên truyền chăng?

Thực sự họ kêu gào bình đẳng... Bình đẳng hưởng thụ quyền lợi như nhau: ai có cái gì ta cũng phải có cái đó về phẩm cũng như lượng (1). Nhưng sự đòi hỏi ấy không phải chỉ là những đòi hỏi của người bình dân tầm thường, của quần chúng thất học mà thôi đâu, ngay cả những nhà lãnh đạo cũng không nghĩ khác hơn. Họ đòi một sự san bằng nhất luật. Đây là lập luận của nhà cách mạng Babeuf: “Bởi chúng ta sinh ra đều bình đẳng; phải trả lại cho chúng ta tất cả quyền bình đẳng; bởi chúng ta tất cả đều có quyền như nhau, chúng ta đòi hỏi phải được quyền hưởng thụ như nhau về mọi cái trên đời”. Nhưng sự thực họ đòi được bình đẳng về *kinh tế*. Maxime Gorki tuyên bố: “Tất cả người lao công là bạn thân của chúng ta, tất cả bọn phú hào, và bọn người cầm quyền đều là kẻ thù của chúng ta cả” (2).

Quan niệm này ta thấy đầy rẫy trong những lập luận các nhà văn mặt-xít hay là chiều hướng mặt-xít. Cứ lật ngay những chương trình các chánh đảng hay các tờ báo đối lập chánh quyền... với chiều hướng mỵ dân... bao giờ ta cũng thấy những đòi hỏi như thể dùng làm căn bản. Người ta không bao giờ vừa lòng với sự *bình đẳng về phương tiện* (nghĩa là mọi người dân đều phải có đủ phương tiện để sinh nhai, để học hỏi, để mưu hạnh phúc cho mình và gia đình mình...): người ta đòi cho được hưởng những kết quả như nhau. Người ta chờ đợi nơi chế độ Quốc quyền cái gì? Đâu phải người ta muốn được

ân thường xứng đáng đối với những công trình xây dựng công phu xứng đáng với tài hoa và lòng nhiệt huyết... mà thật sự, họ muốn được Quốc quyền phân phối đồng đều tài sản, làm cho tất cả mọi người đều được gia sản tiền bạc như nhau, mỗi người đều được số phần như nhau. Thà nghèo thì nghèo hết, mà giàu thì giàu hết. Người ta đòi hỏi phải san bằng tất cả mọi “bất bình đẳng tự nhiên” ấy dù là đối với những kẻ xứng đáng nhất. Người ta đòi ưu đãi những kẻ thất bại, vì bất tài hay bất lực, vì lười biếng, không phòng xa và hoang đường phải được ưu thế để lập làm quân bình thay vì phải khuyến khích kẻ có tài, có đức những người cần kiệm biết dành dụm bạc tiền siêng năng mẫn cán và ham hoạt động bay nhảy với đời...

Có kẻ lại bảo rằng bình đẳng đây là bình đẳng trước pháp luật thì lại càng không hợp lý nữa. Đặt ra một quy luật cho tất cả mọi người đâu phải là tạo ra được sự bình đẳng về quyền hành. Nếu nói thế thì lại phải chấp nhận rằng người ta sinh ra đều được bình đẳng cả về mọi phương diện vật chất lẫn tinh thần, nghĩa là không có kẻ yếu người mạnh, người đẹp kẻ xấu, người khôn kẻ ngu, người hiền kẻ dữ.

Huống chi đã phải bắt buộc chấp nhận luật “bất bình đẳng tự nhiên” thì sự bình đẳng nhất luật trước một quy luật chung lại là một cái luật độc tài và tàn nhẫn.

Nhà văn W. Blacke đã nói rất chí lý: “một cái luật chung cho cả những loài sư tử, beo, hùm và trâu, bò, dê, chó... là độc tài và tàn bạo”. Tại sao bắt kẻ trí phải sống cùng một quy luật như kẻ ngu, bậc hiền giả phải sống cùng một quy luật như người hung ác? Cái thích của người ngu, kẻ trí lấy làm bực mình, nhưng cái thích của người trí, kẻ ngu cũng lấy làm bực mình vậy.

Maurice Bouglé nói rất đúng: “cái chế độ dân chủ và các cuộc thi tuyển và tranh cử trong khi họ tuyên bố sự bình đẳng tham dự cho tất cả mọi người, dĩ nhiên đã hàm chứa có sự tuyển chọn và đo lường tài hoa và học thức rồi, đó là chưa nói đến những kẻ được tự do dự phải gồm có những điều kiện tối thiểu cho... Hơn nữa, đã nói là thi tuyển thì phải chăng là đã nói đến đấu tranh. Mà đã đấu tranh dĩ nhiên phải có kẻ bại người thắng, và trong khi định chế quy luật cuộc thi, luật dĩ nhiên đã dành riêng ưu điểm cho kẻ thắng chứ đâu có “nhân đạo” đối với kẻ bại. Không có cuộc thi tuyển nào mà cốt ý tạo ra bình đẳng cả.

Bình đẳng thực ra chỉ có, là khi người ta kêu gọi tất cả nhân dân có quyền bình đẳng tự do tham dự vì chưa ai biết rõ được ai là kẻ có tài hoa xuất chúng mà thôi... Nhưng khi các thí sinh vào trường thi, thì lập tức bình đẳng mất cả, người ta bắt đầu tuyển lựa và sắp hạng... Và như vậy sao còn gọi là có được hưởng quyền hành ngang nhau.

Ngay trong pháp đình luật lệ là chung cho tất cả mọi người, nhưng cùng làm một tội mà xử án còn có trường hợp giảm khinh. Tội ác sẽ được xử tùy theo trường hợp, tùy cái giá trị xã hội của nó... Hình phạt bao giờ cũng không nhất luật được đối với tất cả mọi người. Có khi quá công bằng, lại thành bất công.

Và như vậy, ta thấy rằng bình đẳng nhất luật sẽ không bao giờ thực hiện được, vì nó đã trái với đạo Trời, nó đã trái với lòng Người. Muốn thế, tức là muốn cho thế gian này tất cả mọi người đều thông minh đều mạnh mẽ, đều đạo đức như nhau cả. Quả là một ảo vọng. Thế mà nó đã đánh lừa nhân loại từ xưa đến nay một cách hết sức đau thương. Nó đã xúi dục nhân loại xâu xé lẫn nhau... Từ gia đình ra đến xã hội, từ một đoàn thể lớn và ngay trong các tôn giáo đảng phái... sự ganh tị thù hằn ngày càng gia tăng... chỉ vì đeo đuổi mãi theo một ảo tưởng vô cùng tai hại là cứ so đo dòm ngó chung quanh mình mà tự mình không chịu tìm vượt lên trên cái thân phận của mình. Huống chi văn hóa càng được phát triển, khoa học càng được bành trướng... thì sự bình đẳng lại càng ngày càng thêm rõ rệt và cách xa nhau giữa những cá nhân tài hoa với những người bất tài bất lực.

Muốn có một bằng chứng thiết thực hơn, ta hãy nhìn vào cuộc tiến hóa ngày nay của nhân loại. Xã hội tiến triển... không phải tiến đến sự bình đẳng nhất luật về đủ mọi phương diện tinh thần lẫn vật chất, mà văn minh và sự học hỏi hiểu biết càng được phát huy rực rỡ chừng nào thì sự chênh lệch giữa kẻ trí người ngu lại càng ngày càng thêm cách xa và sâu nặng chừng nấy. Đó là một sự kiện mà ta không thể phủ nhận được nữa.

Sự cách biệt càng ngày càng sâu giữa giới trí thức và hạng tầm thường... lại trở thành một mối chia rẽ trầm trọng mà bọn người sút kém thất thế... không thể nào chấp nhận được vì kẻ tài giỏi và thắng thế trong cuộc trang đấu “mạnh thắng yếu thua” đã không biết dừng lại cái tham vọng của họ. Lòng ích kỷ và tham vọng càng ngày càng tăng theo địa vị của nhóm người trên là mối phần uất càng ngày càng nặng của nhóm người dưới... Nhân thế mà sự bất công càng ngày càng tăng...

Thêm nữa, phải chỉ những bất bình đẳng về địa vị được đặt để đúng với tài hoa đức độ, nghĩa là mỗi người tùy tài đức đều được dùng đúng chỗ, thì cũng đâu có việc phần uất của kẻ bề dưới... Phải có sự can đảm nhìn thẳng vào thực tế xã hội ngày nay, đâu phải những kẻ thực có tài hoa, đạo đức luôn luôn là những kẻ ngồi trên thiên hạ, cầm quyền binh cũng như tiền bạc... mà rất có nhiều kẻ không tài không đức thường nhờ bè đảng và thời cơ mà được giữ những trọng trách lẽ ra phải dành cho những kẻ có thực tài. Đó là những bất bình đẳng về địa vị xã hội không ăn khớp với tài hoa đạo đức, nguồn gốc của những bất công thậm tệ, nguyên nhân thuận tiện sinh ra bất mãn, chống đối và nổi loạn ở những cấp dưới. Thuyết “giai cấp đấu tranh” nhân thế mà có đất dụng võ và đã

gieo rắc trong xã hội loài người tang thương và khốc hại... Và có lẽ rồi đây sẽ còn đi đến sự tận diệt lẫn nhau, và nhân loại sẽ trở thành tro bụi cũng không chừng!

*

Thật sự chỉ vì bất công do “thượng bất chính, hạ tắc loạn”, vì lòng ích kỷ của loài người (của mọi tầng lớp xã hội) mà người trong xã hội nhìn nhau như những đối thủ không thể dung tha nhau được, những kẻ thù bất cộng đái thiên... mà nhận lầm thuyết “giai cấp đấu tranh” là một thực tại và tin tưởng rằng chỉ khi nào ta thủ tiêu được đối phương mới đem lại hòa bình cho nhân loại. Nghĩ như thế, thật hết sức sai lầm và tai hại vì là một ảo tưởng.

Sai lầm là vì ta sẽ *không bao giờ thủ tiêu được đối phương bất cứ đối phương nào trong các cặp mâu thuẫn*. Tất cả mọi mâu thuẫn trên đời đều nương nhau mà có như bóng với hình, như ánh sáng và bóng tối, như các luồng điện âm và dương trong mỗi hạt nguyên tử. Trai và gái là cặp mâu thuẫn to tát nhất, tuy bản tánh nghịch nhau nhưng không bao giờ có thể rời nhau mà tồn tại. Cá nhân và xã hội là cặp mâu thuẫn quan trọng, nhưng không thể xem là không thể giải quyết, mà cphari có cái nhìn tổng quát mới thấy được rằng đó là những yếu tố không thể rời nhau. Lo cho cá nhân lành mạng, tức là lo cho xã hội được lành mạng: cá nhân tức là xã hội, xã hội tức là cá nhân, hai yếu tố này liên quan mật thiết với nhau như cá với nước, như bóng với hình.

*

Nhà bác học trứ danh Einstein có nêu lên khẩu hiệu tối khẩn này cho toàn cả thế giới: “phải là một thế giới hợp nhất, không thì phải đi đến sự tàn diệt”. Không lúc nào bằng lúc này, thế giới nói chung và xã hội quốc gia và dân tộc ra nói riêng, cần phải đi đến một cuộc ĐẠO ĐOÀN KẾT thực sự, căn cứ trên một quan niệm BÌNH ĐẲNG và TỰ DO thực sự, hai lẽ không thể rời nhau.

*

Tóm lại, “giữa vợ với chồng, cha với con, thầy với trò, già với trẻ, chủ nhân với công nhân, giàu và nghèo, chánh quyền và nhân dân thực sự chỉ là bề mặt bề trái của một thực tại, không bao giờ có thể rời nhau mà tồn tại. Tại sao người ta lại không chịu bỏ đi tấm lòng vị kỷ, biết để quyền lợi chung lên tất cả, gác lại những quyền lợi nhất thời và thiển cận để mà quan niệm đến một sự *hợp tác chân thành* hơn là nghĩ đến một cách sai lầm phân chia giai cấp, tranh đấu với nhau để tìm cách tiêu diệt lẫn nhau? Người thợ phải cần đến người chủ, cũng như người chủ phải cần đến người thợ... Giữa những yếu tố mâu thuẫn khác như giữa kẻ giàu và nghèo, kẻ già người trẻ, thế hệ cũ thế hệ mới, giữa trai và gái, giữa vợ và chồng... sao lại *không thể đoàn kết thực sự trên nguyên tắc PHÂN*

CÔNG và HỢP TÁC? Tuy bề ngoài là hai đối phương, nhưng cần phải nương nhau mà sống. Nếu cả đôi bên, đừng bên nào xem bên nào là thù và biết sự cần thiết có nhau làm biểu với lý, thì sao lại không thể chân thành tìm đến con đường *phân công hợp tác*: “cây đa cậy thân, thân cây cây đa”?

Ta nên nhớ rằng: chống bất công xã hội tuy là việc hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng *chống bất công không có nghĩa là chống lại với sự bất bình đẳng tự nhiên trong nhân loại*... Ngay trong cái xã hội mà người ta rêu rao tuyên truyền là xã hội không giai cấp, cũng vẫn còn những “giai cấp mới” của nhóm cán bộ chính trị của họ. Họ hô hào tiêu diệt chế độ tư bản để rồi lập lại chế độ tư bản quốc gia cực kỳ thâm độc... Họ không thể chống lại được với cái luật bất bình đẳng tự nhiên luôn luôn chi phối vạn vật.

“Ta phải thành thật can đảm nhận rằng hiện thời một số đông con người trong giới tri thức cũng như thất học đang bị tà thuyết “giai cấp tranh đấu” đầu độc rất nặng mà không hay. Từ ngày tà thuyết ấy xâm nhập vào đất nước, tâm lý quần chúng bị xáo trộn, và ảnh hưởng vô cùng tai hại đến tình đoàn kết của dân tộc không phải nhỏ. Áp dụng triệt để chủ thuyết “giai cấp tranh đấu” này người ta đã thu đoạt được kết quả một phần nào trong việc gây *căm thù* và *ly gián* giữa giới trí thức và lao động thất học, giữa chủ nhân và công nhân, giữa nông dân và điền chủ, giữa già và trẻ, giữa cũ và mới, giữa thầy và trò, giữa cha và con, giữa vợ và chồng, nghĩa là những kẻ thâm tình nhất trong đời...”

*

II. Quan niệm sai lầm này là một trong những thành kiến làm tổn thương tình đoàn kết dân tộc đáng lo ngại nhất: nó đã ngấm ngấm ăn sâu vào tiềm thức của con người, không dễ gì bài trừ trong nhất đán. Chính nó là nguyên nhân tạo sanh đối lập giả tạo ngấm ngấm trong mọi giới để mà phá hoại, chứ không phải đối lập để mà xây dựng bằng mọi thông cảm và cộng tác chân thành. Bởi quan niệm sai lầm này mà ta thường có thói nhìn kẻ đối lập như người thù, gây ra không biết bao nhiêu nghi kỵ, ganh ghét, chia rẽ ngấm ngấm càng ngày càng thêm trầm trọng”.

- Chống mọi bất công xã hội: từ trên đi xuống thì chống nạn bè phái thiên vị; từ dưới lên trên thì chống nạn xu thời trục lợi. Phải xây dựng một xã hội công bình bằng sự thực hiện một cách rộng rãi thực sự các tự do dân chủ căn bản.

- Phải đoàn kết thực sự trên nguyên tắc **PHÂN CÔNG và HỢP TÁC**. Chống bất công, chứ không phải chống sự “bất bình đẳng tự nhiên” trong nhân loại, yếu tố quan trọng nhất cho sự tiến hóa của loài người – nếu mọi người thực sự bình đẳng thì sự tiến hóa nhân loại cũng sẽ ngừng ngay.

Chống đối bất công là “bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu” để lập lại công bằng xã hội, chứ không phải thủ tiêu đối phương để được đơn phương tồn tại.

Phải chấp nhận đối phương trong các cặp mâu thuẫn và đừng bao giờ quan niệm rằng có thể thủ tiêu được đối phương, nghĩa là đừng bao giờ mong mỗi đem một giai cấp này thay thế một giai cấp kia, cũng như mong mỗi tách phân các hạt nguyên tử truất phế phần âm, để thay thế phần dương hoặc truất phế phần dương để thay thế phần âm, nghĩa là làm cho tất cả trở thành những hạt nguyên tử thuần dương hay thuần âm. Bởi không chấp nhận sự bất bình đẳng tự nhiên của Âm và Dương và sự cộng đồng sinh tồn của các cặp mâu thuẫn cần thiết trên đời mới có sự tìm cách thủ tiêu lẫn nhau và lập thành lý thuyết hết sức sai lầm của duy tâm và duy vật.

Đừng mong đem cái Âm và trừ tuyệt cái Dương, hay đem cái Dương mà trừ tuyệt cái Âm, dồn sự vật vào tình trạng “dương cô âm tuyệt” hay “âm cô dương tuyệt” mà gây tại họa liên miên cho con người. Hermann de Keyserling, trong quyển *La Révolution Mondiale* có viết rất đúng: “Mỗi hành động đều tự nhiên gây thành một cái động phản lại, vì thế mà cấp tiến tạo nên bảo thủ, dịu hiền sinh ra tàn bạo, thiện sinh ra ác, hoặc trái ngược lại. Nhưng rồi sau cùng, sau một cuộc xô xát đùn đẩy nhau, những cặp mâu thuẫn trước đây không bị thủ tiêu vứt bỏ lẫn nhau mà lại được hòa hợp thành một nhịp điệu hòa đồng từng điểm một. Trong giới thiên nhiên là thế, mà trong lịch sử loài người cũng thế... Một tác động một chiều mà càng mạnh bao nhiêu, lại chỉ càng làm cho đối phương càng thêm mạnh mẽ bấy nhiêu. Tức cũng là chỗ mà nhà tâm lý học Tây phương gọi là “*effort converti*”. Bởi vậy Đông phương tư tưởng mới có nói: “*cố mà đàn áp một việc gì là sắp làm cho việc ấy chống dậy mạnh hơn; cố mà làm cho một việc gì yếu đi, là sắp làm cho việc ấy hưng lên...*”² Ta thường thấy ở những nơi nào mất tự do là những chỗ mà lòng người tha thiết tự do hơn đâu tất cả.

*

Như ta đã thấy trên đây thì quan niệm về bình đẳng và tự do cần phải xét lại. Bình đẳng theo nghĩa thông thường là cả thấy thiên hạ đều phải nhất luật như nhau: quy luật xã hội sẽ san bằng tất cả. Đó là một lý tưởng ảo huyền không thể bao giờ có trên cuộc đời tương đối này.

Vật nào cũng có tánh tự nhiên của nó. Ta phải biết “chịu chỗ đó, tức là phải biết chấp nhận cái không thể chấp nhận tức là chấp nhận sự “bất bình đẳng tự nhiên” của các sự vật. Biết chấp nhận sự “bất bình đẳng tự nhiên” giữa các sự vật thì ta phải biết kính

² Tương dục phế chi, tất cố hưng chi (Lão Tử)

trọng cái chỗ riêng biệt của mỗi sự vật, tức là cái tánh tự nhiên của mỗi sự vật mà không xen vào làm trở ngại hay lấy cái tự do của mình dẫm lên tự do kẻ khác, làm hư hỏng hay phát triển tự nhiên của mỗi sự vật. Không xen vào làm trở ngại hay hư hoại tự nhiên của mỗi sự vật, tức là để cho mỗi vật được sống tự do cái sống của nó, để cho mỗi vật tự do phát triển cái cá tánh của mình. Vạn vật, vật nào cũng đều được tự do sống cái sống đặc biệt của mình, đó là bình đẳng. Tự do và Bình đẳng là hai lẽ không rời nhau được. Dĩ nhiên, trong xã hội mới này tất cả đều mong mỗi được quyền sống tự do theo mình cho nên muốn được ai ai cũng quý trọng cái tự do của mình thì chính mình cũng phải biết quý trọng tự do của kẻ khác mà không bao giờ lấy quyền lực mình dẫm lên quyền tự do sống của kẻ khác.

*

Trong xã hội mới, phải thay danh từ “bình đẳng” bằng danh từ “điều hòa” (harmonie) mới đúng hơn, nghĩa là điều hòa những phần tử bất bình đẳng, chênh lệch, cao thấp khác nhau để cùng chung một nhịp điệu, như trong một khúc hòa nhạc.

Trong một cuộc thanh âm hòa điệu, sự hỗ tương quan hệ sẽ làm cho mỗi phần tử bất bình đẳng được nổi lên giá trị đặc biệt và quan trọng của mình. Giọng thấp giọng cao, tiếng trong tiếng đục mà phối hợp với nhau một cách điều hòa sẽ biến thành một bản nhạc thâm trầm thú vị. Trong xã hội loài người cũng thế. Sự phân công cộng tác để thực hiện một quyền lợi chung sẽ làm mất cả sự phân tranh xé giới giữa kẻ trên người dưới. Và như vậy, đứng về phương diện lợi ích chung cho đoàn thể sẽ không còn có địa vị nào khinh, địa vị nào lớn, địa vị nào nhỏ... Nếu mỗi người trong địa vị mình dù khiêm tốn bậc nào mà lo làm một cách hoàn toàn chu đáo bổn phận của mình thì tất cả đều là bình đẳng, bình đẳng về giá trị.

Một con ốc nhỏ trong một guồng máy lớn nếu mất đi, guồng máy chắc chắn sẽ không còn chạy được: tất cả đều chằng chịt quan hệ với nhau, không có một bộ phận nào được coi thường cả. Vấn đề mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội nhân đó mà giải quyết được một cách ổn thỏa.

Bởi không hiểu được lẽ ấy mới có những phần tử này dòm ngó những phần tử khác mà đèo bong tham muốn, quên lửng vai trò và phận sự của mình... Trong một tuồng hát có kẻ khôn người dại, có đào có kép, có lớn có nhỏ... không địa vị nào giống địa vị nào... nhưng tất cả nếu mỗi người không lo đóng cho tuyệt diệu vai trò mình, mà chỉ lo tranh giành dòm ngó vai trò kẻ khác đang đóng để mà ganh tị, đòi hỏi... thì vở kịch sẽ hỏng mất.

Trong một đội bóng tròn, mỗi cầu thủ đều được sắp xếp vai trò của mình theo khả năng của mình rồi, và mỗi người không được quyền vượt bậc... cũng không được quên vai trò của mình trong tinh thần đồng đội. Người đứng hàng tiền đạo có những trách nhiệm của người ở hàng tiền tuyến, mà người đứng hàng hậu tập cũng có vai trò đặc biệt của người hậu tập. Những tất cả đều có vai trò đặc biệt tiến và thủ ăn rập nhau hết sức. Anh thủ môn có vai trò của anh thủ môn, anh tiền đạo có vai trò anh tiền đạo... mỗi người đều phải vận dụng tất cả khả năng và tài ba đặc biệt của mình, nhưng bao giờ cũng không quên để quyền lợi tối cao của đồng đội trên hết, chứ không vì ganh tị tài riêng của một cầu thủ nào mà mong đoạt chiến công của kẻ khác để ôm đồm lấy một mình. Anh cầu thủ ở tiền đạo không thể càn nanh ganh tị việc làm của anh thủ môn mà bảo rằng: tại sao người thì chạy đông chạy tây, chạy nam chạy bắc, chạy mãi không thôi, mệt không kịp thở, còn anh thì thụ động đứng im mãi trong một cái vòng khung? Như vậy là bất công, là xã hội tổ chức không đồng đều? Nói thế, nghe có được không? Trong một đội bóng tròn, không ai là trọng, ai là khinh, địa vị nào cao, địa vị nào thấp, mà cả thầy với tài hoa xuất chúng của mỗi cá nhân để điều hòa hoạt động thì chắc chắn khó có một địch thủ nào có thể thắng được dễ dàng.

Như trên đã thấy, với một lối nhìn như thế, vấn đề vinh nhục, thị phi, nhất là phần tử và toàn thể, cá nhân và xã hội... sẽ được giải quyết một cách hợp lý hợp tình vô cùng ổn thỏa. Phải quan niệm xã hội như một “cơ thể sống” mà trong đó các bộ phận như ngũ tạng lục phủ tuy khác biệt nhau nhưng đều chần chịt liên quan mật thiết với nhau không chỗ nào sơ hở. Không có bộ phận Tâm và Can chống đối nhau, Tỳ và Phế chống báng nhau... và tất cả đều đóng vai trò biểu lý tương thân tương trợ rất là chặt chẽ khít khao, và mỗi bộ phận nào bị thương, thì các bộ phận khác đều bị ảnh hưởng chung không sai sót.

Vũ trụ nói chung và xã hội nói riêng cũng như trong từ từng phần xã hội nhỏ nhất như gia đình... thầy đều phải được quan niệm như một “cơ thể sống” trong đó tất cả mọi phần tử cấu tạo phải được hoạt động khít khao và điều hòa...

III. Tổ chức xã hội không được làm trở ngại sự hoạt động tự nhiên và tự do của mỗi cá nhân, mà sự hoạt động tự nhiên và tự do của mỗi cá nhân cũng không được làm hại đến sự hoạt động điều hòa chung của xã hội. Sự hỗ tương quan hệ giữa hai lẽ ấy phải luôn luôn giữ được mức quân bình thì cơ thể xã hội ấy mới được lành mạnh và hạnh phúc.

Danh tứ “cá nhân” ở đây không phải dùng để ám chỉ những thị dục ích kỷ của những cá nhân chỉ nhìn thấy sự vật một cách phiến diện và chia rẽ, chỉ biết lo nghĩ đến mình mà không lo nghĩ đến người, chỉ biết đến quyền lợi riêng tư của mình mà không

đoái hoài gì đến quyền lợi chung của các đoàn thể chung quanh, nghĩa là chưa nhận thấy hoặc không chịu chấp nhận sự quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân và xã hội. Danh từ “cá nhân” ở đây, thực sự dùng để ám chỉ *cá tính đặc biệt* của từng cá nhân, cái chỗ mà cánh hoa hường khác với cánh hoa lan, đóa hoa quỳ khác với cành hoa lý... Và như vậy, trong một xã hội điều hòa lý tưởng, tổ chức xã hội phải có phận sự giúp đỡ triệt để cho sự phát triển tự do cá nhân ấy mà cố tránh sự tập trung quốc quyền bất cứ dưới hình thức nào.

*

Tự do cá nhân phải được đặt vào hàng đầu các chương trình văn hóa, giáo dục và xã hội. Giá trị của một xã hội tự do là ở nơi giá trị của những cá nhân tự do trong xã hội đó. Và nếu muốn thực hiện lý tưởng ấy, cần phải có một chánh sách *giáo dục thích ứng*, đào tạo những người công dân tự do này tuy phải giữ màu sắc đặc biệt dân tộc, nhưng cũng phải được đặt trên một nền tảng nhân bản khai phóng mà ta tạm dùng danh từ “*nhân bản vũ trụ hóa*” (humanism cosmologique) để ám chỉ một con người Việt Nam với một tâm hồn cởi mở bao hàm vũ trụ vạn vật, chứ không thu rút trong phạm vi nhỏ hẹp của một cá nhân, một đảng phái, một tôn giáo, một quốc gia hay dân tộc, lùì lại trong một quá khứ xa xăm và lạc hậu.

Thế kỷ ngày nay với sự tiến bộ mau lẹ không ngừng của khoa học tranh thủ không gian và thời gian đã vô tình lại đưa đến kết quả là bôi bỏ tất cả mọi ranh giới giả tạo giữa các quốc gia dân tộc, là những bộ phận thiết yếu, không thể động đây mà không động đó; và tuy là vấn đề nội bộ của một quốc gia cũng không thể tách riêng khỏi khối cộng đồng quốc tế mà đơn phương giải quyết được. Dù muốn dù không một ngày gần đây con người sẽ đi đến giai đoạn quốc tế hóa và mỗi người công dân sẽ thành công dân quốc tế.

Khoa học nguyên tử càng chứng minh cho ta thấy rõ sự liên quan mật thiết của con người trong vũ trụ: khoa học vật lý cho ta thấy một cái động nho nhỏ của một hạt nguyên tử cũng ảnh hưởng tới các giải ngân hà mù mịt ở tận đáy không gian. Bởi vậy, thực hiện cho kỳ được “con người vũ trụ” ấy, đâu phải là không tưởng. Và đó phải là con đường sắp tới của nhân loại nếu cần phải tiến đến mục đích cuối cùng của nó – không thể lùì lại nếu không tự để mình sa vào chế độ quốc quyền (Etatisme).

--*--

TÌNH TRẠNG BI ĐẤT HIỆN THỜI CỦA MỘT XÃ HỘI VÀ NỀN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC BỊ PHÁ SẼN

Hiện tình Văn hóa và Giáo dục căn bản nước nhà cũng cần phải soát lại các giá trị sai lầm cổ điển của nó.

Trong tất cả mọi ngành văn hóa... người ta cảm thấy có một luồng gió cầm hờn thù hận, khi công khai khi chìm lặng trong nhiều tác phẩm văn nghệ chủ trương đứng hẳn bên giai cấp mà họ cho là bị bóc lột trắng trợn... và cho rằng đó là thứ “*văn hóa đại chúng*” để chống lại với đường lối “*văn hóa tiểu tư sản*” dĩ nhiên là căn cứ trên chủ thuyết “*giai cấp đấu tranh*” để làm nền tảng và lấy chủ thuyết “*nghệ thuật vị nhân sinh*” làm tiêu chuẩn. Ta nên nhớ chữ “*nhân sinh*” này là nhân sinh của giai cấp mà họ xem như là “*bị bóc lột*” và bỏ rơi, một thứ văn hóa có tánh cách phiến diện... như Maxime Gorki đã viết: “*Tất cả người lao động là bạn thân của chúng ta; tất cả bạn giàu và bọn cầm quyền là kẻ thù của chúng ta cả*”. Một phong trào “*nổi loạn*” đối với bất cứ chánh quyền nào, bất cứ nhà lãnh đạo nào, bất cứ là bậc trưởng thượng dù xứng đáng hay không xứng đáng, bất cứ bậc cha anh hay thầy dạy nào... đã mang danh là “*đợt sóng mới*” và đang lan tràn khắp chốn và đã làm đảo lộn tất cả mọi giá trị tốt đẹp cần phải giữ lại, khi chưa có cái gì cao đẹp hơn để thay thế.

*

Nghiên cứu tình trạng đau thương của phong trào mạng danh “*đợt sóng mới*” đang lên này, chúng ta phải thành thật can đảm nhìn nhận không phải riêng gì của họ, mà là của xã hội thiếu tổ chức nói chung và nền văn hóa không phương hướng cũng như một nền giáo dục không căn bản thích ứng và lạc hậu của chúng ta ngày nay nói riêng, phải chịu phần trách nhiệm nặng nề.

“*Đợt sóng mới*” theo nghĩa thông thường đã được dùng từ trước đến giờ trong xã hội ta là để chỉ vào đám thanh niên ăn chơi, sống với thái độ bất cần và liêu lĩnh.

Nhìn chung, thì tánh cách của “*đợt sóng mới*” đang dâng lên, như nước vỡ bờ là những bọn người tuổi trẻ không thích sống trong kỷ luật hay sự buộc ràng nào cả... Dĩ nhiên là họ phủ nhận cả quá khứ và đập phá sạch sành sanh (*table rase*) tất cả mọi giá trị

cổ truyền vĩnh cửu, một cái có để họ tha hồ bê bối... và sống cuồng loạn mà khỏi bị lương tâm cắn rứt, để khỏi bị mặc cảm tội lỗi dày vò.

Chúng tôi sẽ không bàn đến nhóm người thanh niên thất học... mà xin chỉ bàn đến một số đông các thanh niên, những cô, cậu học sinh hay sinh viên chịu ảnh hưởng của một số học sinh bê bối của trường. Tuy còn rơi rớt, thường bỏ học để đi chơi một cách nghênh ngang trong những bộ quần áo may theo kiểu mới Âu-Mỹ, họ là những trang thanh niên có tiền bạc, tối tối thường lui tới các hộp đêm, tiệm khiêu vũ và chơi bài lãng mạn với một vẻ “*bất cần đời*” hơn là đi tìm giải trí... Họ là những nam, nữ thanh niên đã mất ý niệm về nền luân lý cổ truyền, hoặc đúng hơn, họ là những kẻ đang chấp nhận những ý niệm mới mà yếu tính là phủ nhận hoàn toàn luân lý cổ truyền, theo đó, ví dụ một cô gái có thể tìm những rung động mạnh mẽ hoặc những cảm giác mê ly về thể xác bằng cách tự hiến mình cho bạn trai của họ. Họ còn “mới” ngay cách ăn mặc ngoại lai hang hờ nữa... Họ phủ nhận tất cả những gì đã qua, cũng không cần nhìn trước cái gì sắp tới... dù là thuộc về quốc gia họ, gia đình họ hay chính cuộc đời bản thân họ. Phần nhiều thực hiện một đời sống buông xuôi theo trào lưu một cách tự nhiên, hầu như không có ý thức gì về chính cuộc sống đó của họ, cũng chẳng cần có lý do gì để biện hộ. Tuy vậy, cũng có một số có một chút “học thức” hay “văn hóa”, học mót của ngoại bang một vài thứ “triết lý hiện sinh” trái mùa mà họ chưa tiêu hóa nổi, để chứng minh cái nếp sống lãng mạn của họ. Họ cho rằng họ là con người của thế hệ mới, vậy phải được quyền sống theo lối mới. Họ thường nói đến tiếng “ngày hôm nay”, hướng đi của “ngày hôm nay” v.v... và v.v... và đã là “ngày hôm nay” thì không thể giống ngày hôm qua được, mà cũng không cần đến ngày hôm qua nữa. Nếp sống của họ phải đổi mới, và họ có triết lý hiện sinh của họ để thực hiện sự mới mẻ cần phải có ấy. Họ thường viện đến những Jean Paul Sartre, Camus..., để biện hộ cho lối sống nhầy nhụa của họ, vì là một lối sống có triết lý hằn hòi, nhưng mà mười người đến chín người chưa hiểu gì cả cái triết lý hiện sinh của Paul Sartre, mà chỉ cảm thấy mập mờ rằng “hiện sinh” là cứ sống cho hết mình, phải tận hưởng kỳ cùng trong hiện tại và không phải nghĩ đến cái gì cả, ngoài sự thụ hưởng. Họ kêu lên như Camus rằng “đời rõ là phi lý” và chỉ có hưởng lạc là cái thú nhất của nhân sinh. Đó là cảm nghĩ thành thật của họ, dù lắm khi họ không dám nói thẳng ra, nhưng giữa bọn họ, họ tự xem kẻ nào còn có vẻ ấp úng rụt rè, còn chút lương tâm thanh bạch... đều là bọn đàn độn “cù lần” cả. Nhưng, khôn thay, sự thật còn đau đớn hơn nữa, là đâu phải riêng gì giới trẻ cho cam, nó lại cũng lan tràn trong giới người đứng tuổi. Thế hệ mới không có một ý thức hệ nào mới cả, mà thế hệ cũ cũng lừng khừng... không cũ mà cũng không mới... cũng chẳng có một ý thức hệ nào đứng vững với họ!

Chưa bao giờ cái đạo khoái lạc thịnh hành bằng lúc này vì không còn các kỷ cương nào nữa cả. Người ta đè bẹp nhau để tranh nhau hưởng thụ những cảm giác nhất thời. Rất nhiều kẻ vô lương đã “đánh hơi”, thấy sự khát vọng điên cuồng ấy, đã lợi dụng danh nghĩa của nghệ thuật, văn chương mà sản xuất ra những hình ảnh và câu nói kích thích đến cực điểm bản năng thấp kém nhất của con người. Dĩ nhiên cái đó sẽ đem lại cho họ thật nhiều tiền. Đó là nguyên nhân của những thứ văn nghệ hắc ám, khiêu dâm trên thế giới hiện đại, kể từ màn ảnh đến các thứ tiểu thuyết rẻ tiền, gây nên một bầu không khí sa đọa, bản thủ, tràn lấp các đô thị trên thế giới.

Sống trong bầu không khí đó, thanh niên thiếu nữ như càng bị tiêm nhiễm và kích động. Nhịp sống cuồng loạn càng ngày càng tăng. Một số các văn nghệ sĩ cho ta thấy tâm trạng của những người trẻ tuổi cùng những lời phân tích, trình bày nếp sống của họ qua các tác phẩm của Sagan, và một số các phim ảnh đã chiếu từ xưa đến nay như “Avan le deluge”, “La fureur de vivre”, “Jeunesse delinquante”, “Les Tricheurs” v.v... mà hình ảnh đã nhạt màu so với cảnh sống hỗn loạn của lớp người trẻ tuổi hiện đại. Các văn nghệ sĩ trên đây đã cho ta thấy cảnh sống thả lỏng của họ trong khói thuốc, sặc sụa hơi men và cuồng dại với những điệu nhảy giựt gân. Họ tưởng vậy là hạnh phúc, nhưng rốt cuộc chỉ còn những chán nản, những tuyệt vọng vòng quanh. Các nhà văn nghệ ấy đã cho thấy căn bệnh, nhưng không chỉ phương cứu chữa!

Luồng sóng “bình đẳng hình thức” giả tạo của Tây phương đã đưa đến quan niệm “*bình đẳng san bằng nhất luật*” và chủ thuyết “*giai cấp đấu tranh*” đã san bằng mọi hệ thống trật tự của gia đình và xã hội. Tuổi tác, tài hoa, kinh nghiệm, những cái gì xưa kia đã làm tăng uy tín cho bậc phụ huynh, ngày nay đã bị người thanh niên xem thường như một cái gì không đáng kể. *Một sự tranh chấp của hai thế hệ Già và Trẻ đã khai hấn từ lâu*, nhất là sau cảnh chiến tranh khốc liệt vừa qua và hiện nay đang còn tiếp diễn. Thêm vào sự bất mãn đối với một số đông bậc làm Cha, Anh và Thầy, là óc tự phụ sẵn có của tuổi trẻ càng như dầu chế thêm lửa đổ. Triết thuyết hiện sinh cũng đã đáp ứng một phần nào lòng tự phụ cố hữu của tuổi trẻ, mà nhà tư tưởng Joubert đã ghi lại một cách mỉa mai và sâu sắc: “Nếu anh có gì thắc mắc, cứ hỏi ngay các bạn trẻ - Họ biết tất cả!” Họ xem những người có tuổi như những cội “cổ thụ” cần phải đốn đi cho khuất mắt, cũng đã có một số người đưa ra phong trào “*huyền thoại của người lớn*” để my thanh thiếu niên, làm giảm uy tín của những bề trên và các cấp lãnh đạo tinh thần trong tất cả mọi ngành. Cái tai họa to lớn nhất của nền dân chủ phơi thai là thói my dân.

Với ảnh hưởng tai hại ấy, ta lạ gì, khi thấy học sinh ngày nay vẫn gọi thầy dạy mình bằng “thằng”, bằng “hắn”. Và vừa đây, có một dạo nào một vài tờ báo do tuổi trẻ tự xưng là “cách mạng” và “đợt sống mới” đã chủ trương đem cả bậc đàn anh lớn tuổi ra mà gọi

ngay bằng “hắn” với những giọng nói vô cùng xác xược, ngạo nghễ. Tự do báo chí đã giúp cho họ có đủ phương tiện để mà mặt sát không tiếc lời các bậc có tên tuổi trên làng văn. Một phong trào chủ trương “bôi lọ” tất cả mọi người còn chút nào uy tín trong làng văn, làng báo, các nhà lãnh đạo giáo dục...

Qua lãnh vực “văn nghệ mới”, một khuynh hướng biểu hiện “nghệ thuật hôm nay” đã long trọng tuyên bố chối bỏ tất cả những gì thuộc về quá khứ. Bất cứ giá trị gì của khoảng mười hoặc hai mươi năm về trước đều chỉ là những đồng giấy vụn phải đổ vào thùng rác cả. Đại diện là nhóm S.T, H.Đ v.v... họ phân biệt nghệ thuật đen, nghệ thuật trắng... và thần tượng của họ là những chàng trai ở Hollywood như James Deans, hoặc những cô Brigitte Bardot, Marilyn Monroe v.v... và v.v.

Sang qua lãnh vực Giáo dục cũng thế: học sinh đến trường với những bộ quần áo lơ lửng, đầu tóc rối nuôi như ổ quạ... tụ tập trước cổng trường, tán gẫu, gọi thầy là “thằng cha”, bỏ học, trốn vào công viên, rạp hát, phòng trà... Giáo sư đôi khi nếu không nói là thường thường, lại còn chiều theo thị hiếu của học sinh, thành ra họ càng ngày càng đi sâu vào con đường tội lỗi. Họ là những “ông học trò”, những “bầy thú dữ trước bảng đen” giống như trong phim “Black board jungle” đã diễn tả.

Như thế, ta thấy rõ vấn đề *văn hóa, giáo dục và xã hội* phải được đặt lại một cách rõ ràng và dứt khoát, vì nó đã chạy chối trách nhiệm của nó. Một thanh niên tri thức đã lớn tiếng lên án nền giáo dục của ta ngày nay rất là chua chát: “Thành thật mà nói thì trong nền giáo dục của ta hãy còn lẫn quá nhiều tàn tích cổ hủ. Tàn tích rõ nhất, có lẽ là sự “nhồi sọ” của nó trong phương pháp dạy dỗ. Nếu bảo rằng “văn hóa” là cái gì còn lại, sau khi quên hết” thì đau đớn thay mà cũng mỉa mai thay, cái mà văn hóa nhà trường ngày nay còn lại sau khi quên hết, thì chỉ là cái mảnh văn bằng hữu danh vô thực của nó!”

TRAO ĐỔI VĂN HÓA

Nền văn hóa Việt Nam như ta đã thấy phải ý thức lấy tiềm lực tinh thần của mình và ý thức vai trò văn hóa của mình trong nền văn hóa chung của Á Châu, bằng cách chấn hưng tinh thần truyền thống Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng mà bấy lâu nay bị lu mờ trước làn sóng văn minh cơ khí cận đại và thuyết bình đẳng giả tạo của duy vật chủ nghĩa, thiên về lượng hơn về phẩm.

Nền văn hóa Việt Nam cũng phải góp phần xây dựng một nền văn hóa chung cho thế giới tự do chân chính bằng sự hòa hợp tinh thần truyền thống Đạo học Đông phương với tinh thần Khoa học Tây phương cận đại.

Ngày nay, sau cuộc giải phóng đại quy mô của các dân tộc Á Châu nói chung và Việt Nam nói riêng khỏi ách đế quốc thực dân, không riêng gì Việt Nam mà các dân tộc Á Châu cần phải ý thức rõ ràng lấy cái tiềm lực tinh thần truyền thống cố hữu của mình và ý thức rõ vấn đề hiện hữu của mình, nghĩa là cần phải quay về ôn lại giá trị *vĩnh cửu* của tình thần Á Châu cố hữu tức là những giá trị văn hóa đã từng hun đúc cho toàn thể dân tộc có một cái hồn dân tộc đặc sắc đã làm cho nước nhà thành một nước có văn hiến rõ ràng. Tinh thần truyền thống cố hữu với những giá trị *vĩnh cửu* ấy đã bị tạm thời gián đoạn trong ngót một thế kỷ dưới sự bảo hộ và thôn tính của ngoại bang và đã hướng Việt Nam vào con đường vong quốc vong bản, bởi một dân tộc đã mất chủ quyền chính trị thì đồng thời cũng mất cả tự do phát triển quốc hồn quốc túy.

Chúng ta cần phải nghiên cứu các mối tương quan văn hóa Á Châu và thế giới để xây dựng cho dân tộc một ý thức hệ vừa có tánh cách *truyền thống vĩnh cửu*, vừa có tánh cách *phổ biến đại đồng* mà cũng vừa có tánh cách *tiến bộ về khoa học*, nhất là về khoa học nguyên tử đã vạch rõ cho ta thấy con đường hợp nhất của vật chất với tinh thần. Có được một ý thức hệ dân tộc thì mới có thể thỏa mãn được toàn dân vì đã khai phóng được tiềm lực tinh thần chung của một dân tộc đang đòi hỏi một nếp sống thích ứng với những khát vọng thâm kín của họ, trong hoàn cảnh đặc biệt nước nhà ngày nay.

Hầu hết các nhà tri thức siêu đẳng thế giới đều mong mỗi đạt đến một ý thức hệ đặc thù của mỗi dân tộc. Họ đều chủ trương tôn trọng các bản sắc dị biệt của từng cá nhân, của từng dân tộc, của từng quốc gia, của từng địa vực, nhưng đồng thời khao khát tìm vượt lên đến chỗ đại đồng thông cảm của toàn thế giới, của toàn thể nhân loại.

Vì vậy, vấn đề nghiên cứu văn hóa Đông Tây ngày nay đã thành một công cuộc chung của tất cả giới trí thức. Từ lâu ở Âu Mỹ người ta thấy thiết lập những trường chuyên môn nghiên cứu về các vấn đề Á Châu, và không biết bao nhiêu sách vở xuất bản ở Pháp, Đức, Anh, Mỹ nghiên cứu về các triết học Đông phương tỏ rằng các giới trí thức học giả Âu Mỹ còn hiểu biết Đông phương có khi còn hơn chính người Đông phương nữa.

Các tổ chức văn hóa, nghệ thuật, trí thức quốc tế cũng đều coi trọng các vấn đề tương quan Á Châu và thế giới.

Cơ quan Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc cũng đã cố gắng rất nhiều trong công việc tìm tòi các mối tương quan Văn hóa Đông – Tây và đề tài sốt dẻo nhất của họ mới đây là vấn đề thẩm định những giá trị tương quan giữa Văn hóa Đông phương và Tây phương, Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế lần thứ 29 nhóm tại Đông Kinh năm 1957 có đề ra một phương pháp thiết thực và cấp bách nhất là tăng cường công việc *phiên dịch các tác phẩm Đông phương ra các thứ tiếng Âu Mỹ và ngược lại*.

Như vậy, ta thấy rằng công cuộc nghiên cứu văn hóa các văn hóa Đông Tây đã thành vấn đề cấp thiết của nhân loại ngày nay. Và riêng đối với Việt Nam, nó là điều kiện không có không vắng trước tình thế vô cùng đặc biệt chưa từng thấy có trong lịch sử nước nhà: đất nước hiện đang đương đầu với hai luồng sóng phản dân tộc, phản truyền thống là ảnh hưởng còn lưu lại rất sâu nặng của chế độ thực dân Tây phương và Quốc tế Cộng Sản.

*

Nhà văn Romain Rolland bên góc trời Tây đã lên tiếng: sau cuộc tai biến thảm khốc của các trận chiến tranh thế giới nhục nhã ấy, nó đã đánh dấu sự phá sản của nền văn minh Âu Châu quá thiên về lý trí. Âu Châu hiển nhiên không còn đủ sức để tự cứu chữa mình nữa. Tư tưởng của họ cần đến tư tưởng Á Châu, cũng như tư tưởng Á Châu rất có lợi mà dựa vào Âu Châu vậy. Đây là hai bộ phận của một “khối óc chung” của nhân loại. Nếu một bộ phận mà bị tê liệt thì toàn thể nhân loại phải suy đồi. Vậy cần phải cố gắng mà lập lại sự hợp nhất và phát triển lành mạnh của hai bộ phận ấy”.

Ông Nehru, tại Hội nghị Liên hệ Á Châu, cũng nói: “Âu Châu có sứ mạng của Âu Châu, Mỹ Châu có sứ mạng của Mỹ Châu. Á Châu của chúng ta đành rằng cần mở rộng tai mắt để lĩnh hội những sứ mạng của họ từ Âu Mỹ đưa sang. Nhưng tôi muốn nói, chính đây là lúc mà Âu Mỹ cũng phải nên mở rộng tai mắt để lĩnh hội những sứ mạng của Á Châu. Tôi tin rằng sứ mạng của Á Châu, sứ mạng của văn hóa cổ truyền Á Châu

cũng có một giá trị vĩ đại cho toàn thể Nhân loại, nó phải có một giá trị gì cho văn minh cận đại của Tây phương”.

Như vậy, sự tổng hợp Đông và Tây phải là nền tảng của sự thuần nhất của loài người và là một vấn đề sinh tử khẩn thiết nhất của thời buổi này. Bài học của Tây phương sẽ giúp cho Đông phương hiểu rõ mình hơn.

Cuộc thức tỉnh của Á Châu nói chung và của Việt Nam nói riêng, chỉ đi tới một bước đường đầu là phục hồi chủ quyền chính trị và quân sự chống lại với thực dân phản truyền thống, phản dân tộc, nhưng chúng ta chỉ hoàn tất được đầy đủ cuộc thức tỉnh dân tộc Á Châu khi nào ta phục hồi được và phát triển được cái văn hóa của mình, đem cái sứ mạng của văn hóa Á Châu góp vào sứ mạng của Châu Âu, Châu Mỹ hầu tạo cho thế giới một nền văn hóa chân chính biết tôn trọng tình yêu và chân lý đặng cứu nhân loại ra khỏi bước hiềm nghèo của một cuộc chiến tranh nguyên tử đang đe dọa tiêu diệt loài người trong nháy mắt.

Công cuộc nghiên cứu như thế cần phải có một tinh thần khách quan vô tư chỉ biết vì Chân Lý, vì Tình Thương và Dung Thứ, nghĩa là biết lấy Văn Hóa làm cứu cánh mà không nên dùng Văn Hóa làm phương tiện chính trị nhất thời nào. Chúng ta phải biết phụng sự cho những giá trị vĩnh cửu và đại đồng hơn là đeo đuổi theo những quyền lợi, địa vị nhất thời của các chủ trương chính trị cá nhân. Chính trị có thể dùng làm điều kiện cho văn hóa mà không nên vì đó mà nô lệ hóa nó để phụng sự cho quyền lợi của một vài thiểu số mà lãng quên quyền lợi tối cao của dân tộc và nhân loại. Sự giúp đỡ của chính quyền cũng nên chú trọng đến quyền lợi vĩnh cửu hơn và đứng lên trên những quyền lợi nhất thời.

Những cuộc va chạm, tranh chấp hay chiến tranh giữa các dân tộc trên thế giới thường không phải gây ra vì sự khác biệt giữa các quốc gia, dân tộc, tôn giáo xã hội hay văn hóa... mà thực sự nếu xét cho thật kỹ đến ngọn ngành phần nhiều đều là do sự độc tôn, tức là lòng tự tôn tự đại của mỗi quốc gia, của mỗi dân tộc, của mỗi văn hóa... tin tưởng rằng ngoài mình ra không còn ai hơn mình nữa cả, và mình phải đóng vai trò khai hóa và lãnh đạo tinh thần. Bởi vậy muốn giải quyết việc tranh chấp ảnh hưởng ấy người ta đã không ngần ngại dùng đến bạo động, và có lẽ chỉ có phương tiện ấy là phương tiện duy nhất để đem thiên hạ vào cùng một khuôn tư tưởng như mình. Dù là bằng phương tiện tuyên truyền, chung quy cũng chỉ là một hình thức bạo động dù tiêu cực và gián tiếp; bởi vậy mới có nói đến sự: “cưỡng ép dư luận quần chúng bằng sự tuyên truyền chính trị”.

Muốn cho nhân loại được “nhất trí như nhau về tinh thần” phải chăng là ảo vọng và ngu xuẩn?

Không nên mong ước thực hiện sự “thống nhất” hay “san bằng nhất luật” như thế, là vì nói đến sự “nhất trí như nhau” về văn hóa, tức là nói đến sự cáo chung của văn hóa và văn minh rồi vậy.

Từ xưa đến nay biết bao kẻ đã mộng một thế giới đại đồng về hình thức tôn giáo cũng như về ngôn ngữ, về chế độ chính trị và kinh tế. Lịch sử đã chứng minh rằng dù họ đã hết sức cố gắng để thực hiện, luôn luôn họ bị thất bại nã nê! Cho nên không có quan niệm nào sai lầm bằng tin tưởng đến một sự thống nhất trong các khu vực tôn giáo, văn hóa, chính trị và kinh tế trước khi thống nhất được về mặt chính trị trong mỗi quốc gia, hay mỗi liên bang hoặc trong mỗi tổ chức xã hội nào.

Bất cứ một sự vận động nào có bắt buộc tất cả mọi người phải chấp nhận một quan niệm chung về văn hóa, tôn giáo hay chính trị, kinh tế... đều là một việc làm ngu xuẩn, vì nó chỉ có thể thực hiện được trong những chế độ độc tài, độc đảng mà thôi. Sự bất bình đẳng tự nhiên trong loài người, cũng như trong từng nhóm người và *những hình thức khác nhau về triết học nghệ thuật, tôn giáo, ngôn ngữ văn tự phải chăng chính là tinh hoa của văn hóa.*

Tuy nhiên, tất cả mọi thứ văn hóa đều phải là những bộ phận nằm trong một nền văn hóa chung: toàn bộ hợp thành mới hoàn tất được một cơ thể điều hòa và sống động. Trái lại, nếu sống riêng rẽ rời rạc thì chỉ còn là những cơ thể cô lập và khô cứng, không còn sinh khí gì nữa cả. Không có một thứ văn hóa nào mà không chịu nhiều ít ảnh hưởng những văn hóa kế cận. Như vậy, *sự trao đổi văn hóa giữa các nước Á Châu làm sống lại mối liên lạc giữa các ngành văn hóa cùng chung một nguồn gốc là một vấn đề vô cùng trọng đại trong giai đoạn lịch sử nhân loại ngày nay.* Giả thử các dân tộc Đông phương mà quên mất cả dấu vết của nền văn hóa cổ truyền của mình thì vị tất đó là điều Tây phương mong ước cho sự tiến bộ chung của văn hóa thế giới. Và vì thế mà các nước văn hiến cao nhất ở Âu Mỹ tự cho có phận sự là khuyến khích và nâng đỡ phong trào nghiên cứu văn hóa Á Châu ngay ở các nước Á Châu, bởi vì chỉ có người Á Châu mới có thể hiểu rõ mình hơn.

Muốn *tổng hợp*, muốn trao đổi... thì ít ra tự mình, mỗi dân tộc của Á Châu phải đưa ra một cái gì đặc thù riêng có của mình... chả lẽ lại đi làm công việc “chờ củi về rừng”, đem những điều mình “học mót” của Tây phương mà trao đổi với họ.

Văn hóa Đông phương hẳn phải có một giá trị thiết thực gì chung cho nhân loại, hẳn phải cũng có một ý nghĩa nhân bản gì chính xác cho thế giới. Và văn hóa Tây

phương hiện thời hẳn cũng có những đòi hỏi nơi Đông phương? Đó là những vấn đề mà chúng ta cần phải trả lời cho thế giới, và cũng là vấn đề tiên quyết làm nòng cốt cho tất cả công cuộc nghiên cứu văn hóa của chúng ta sau này.

Để tạm kết luận, chúng tôi xin mượn lời của Gandhi tại Đại hội Liên hệ Á Châu tại New Delhi năm 1947: *“Sứ mạng của Đông phương, sứ mạng của Châu Á, người ta không nên xét qua mắt kính của Âu Tây và cũng không phải là bắt chước những thói hư thật xấu của Tây phương như thuốc súng và bom đạn nguyên tử. Nếu các Ngài cần gởi một sứ mạng trọng đại cho Tây phương, sứ mạng ấy phải là sứ mạng của Tình Yêu, sứ mạng của sự Chân Thật. Các Ngài hãy để cho trái tim các Ngài rung động hòa nhịp với điều tôi vừa nói, và đến đây thiết tưởng nhiệm vụ của tôi cũng đã chấm dứt rồi”*.

*

NHỮNG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CẦN BẢN CẦN THIẾT NHẤT

Như vậy, sự hoạt động trong công trình nghiên cứu văn hóa của chúng ta sau này có thể sẽ chia ra làm hai phần quan trọng và ngang nhau là: công việc *thống nhất và điển chế văn tự: phiên dịch và trước tác nghiên cứu*.

Về phần phiên dịch thì chúng ta sẽ phải tiếp tục cho dịch các tác phẩm về Đông phương do các học giả Đông phương lẫn Tây phương nghiên cứu. Trước hết phiên dịch các sách của các học giả Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ ra tiếng Việt cho độc giả ngày nay phần đông không đủ điều kiện đọc bằng chánh văn, kể đó là phiên dịch các sách Đông phương bằng các thứ tiếng Âu Mỹ ra tiếng Việt, và *trái ngược lại*, để trao đổi với Quốc tế.

Phần nghiên cứu về sáng tác sẽ như tất cả các công cuộc nghiên cứu khác, đầu tiên phải noi theo những phương pháp khách quan của khoa học, của phương pháp phê bình sử học. Ở đây người ta cần phải dùng đến các phương pháp sưu tầm phê phán, quan sát nghiệm chứng của khoa xã hội học, và nhất là áp dụng phương pháp đối chiếu của triết học. Đối chiếu các nền văn hóa để so sánh các điều dị đồng về bản chất, về đặc tính và nhất là để tìm ra những ảnh hưởng lẫn nhau do các cuộc xúc tiếp vì hoàn cảnh địa lý hay lịch sử xui nên. Việc đối chiếu này sẽ làm nổi bật những bản sắc cá biệt của mỗi nền văn hóa mà cũng tập dượt cho tâm trí con người hướng tới cái chân lý miên trường trong không gian, vĩnh cửu trong thời gian và phổ biến cho nhân loại từ xưa đến nay không bao giờ mất giá.

Công việc nghiên cứu, vì vậy, trước hết phải chú trọng vào các mục tiêu văn hóa thuần túy: đi tìm thông cảm, đi tìm sự hiểu biết và hướng về chân lý, *thứ Chân lý không chịu có sự chia xẻ theo Lý Trí*, mà trong đó phải có đủ Tình đủ Lý chần chịt nương nhau một cách điều hòa.

Ta nên biết rằng nước nhà hiện còn đang thiếu kém nhiều về kỹ thuật và tư tưởng. Nhưng xét cho kỹ thì nước nhà có lẽ còn thiếu nhiều những chuyên viên về tư tưởng hơn là những chuyên viên về kỹ thuật. Chuyên viên về kỹ thuật thì ta còn trông cậy ở sự đào tạo cung cấp của các trường lớn ở ngoại quốc nhưng chuyên viên về tư tưởng thì quả quyết phải trông nhờ ở sự nỗ lực của các phần tử văn hóa ưu tú ở chính nước nhà nhiều hơn.

Ngoài mục đích cao đẹp thuần túy văn hóa, công cuộc nghiên cứu của người văn hóa cần phải nhìn theo con mắt của dân tộc Việt Nam, nghĩa là phải tự mình tìm hiểu dân tộc mình trong khi nghiên cứu các mối giao thiệp từ quá khứ đến hiện tại giữa Việt Nam và thế giới, và cần phải nhận định rõ sự quan trọng của vai trò chủ lực tinh thần dân tộc và cần phân biệt rõ đâu là những tinh hoa, những bản sắc của dân tộc hầu có thể mang ra mà trao đổi với các dân tộc khác.

Và để cho công cuộc nghiên cứu đừng bị tản mác, rời rạc, vá vúi, ta cần sẽ bắt đầu kêu gọi các nhà trí thức trong nước góp công vào việc xây dựng chung để nhắm và mục đích hoàn tất trước hết một bộ *Việt Nam Văn hóa Sử*, một bộ *Việt Nam Văn học Sử*, một bộ *Việt Nam Quốc Sử* và nhất là bộ *Tự Điển Việt Nam* tức là công việc thống nhất và điền chế tiếng Việt, điền chế các sách giáo khoa dùng trong các trường Việt Nam. Lẽ lối nghiên cứu dĩ nhiên không thể còn theo lẽ lối một chiều như lẽ lối “mặt xích” lấy chủ thuyết “giai cấp đấu tranh” làm tiêu chuẩn được nữa như đã có một số nhà khảo cứu của chúng ta đã vô tình hay hữu ý đem áp dụng trong một số sách giáo khoa ngày nay ở Đại học.

Trong công việc nghiên cứu này, việc sưu tầm tài liệu và lựa chọn tài liệu là phần rất quan trọng vì một mặt là phải làm công việc phê bình tài liệu một cách hết sức công bằng khách quan, dù là một phần nào phải đứng khía cạnh dân tộc, nghĩa là có chiều chủ quan, nhưng là thứ chủ quan liêm chính của nhà trí thức áp dụng phương pháp khoa học chứ không nên đứng ở địa vị một nhà chiến sĩ thương nước thương dân một cách thiên vị hẹp hòi và cuồng nhiệt đến làm lệch lạc tất cả sự thật của lịch sử. Mặt khác ta cần phải có óc thích ứng để phân biệt đâu là những giá trị vĩnh cửu, đâu là những giá trị tạm thời để làm công việc đào thải và canh tân cho đời sống tinh thần và vật chất của dân tộc đừng lỗi nhịp với đà tiến hóa chung của các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Như vậy, cần phải làm cấp bách công việc *thẩm định lại tất cả những giá trị chủ quan và khách quan của mọi công trình nghiên cứu về vấn đề này* của các nhà trí thức học giả tâm huyết trong nước đã bắt tay vào việc trước ta với cái sức riêng của từng cá nhân lẻ tẻ hoặc công khai hoặc hoạt động âm thầm trong cô tịch. Chúng ta có phận sự tìm đủ mọi cách để hợp nhất tất cả mọi công trình riêng rẽ ấy và giúp họ có đủ phương tiện trao đổi và kiếm tìm tài liệu mà sức cá nhân không làm sao thực hiện được, đó là một trong những công việc của Viện Văn hóa: thiết lập một thư viện Trung Ương phong phú quy tụ được tất cả mọi tài liệu cho các thứ công trình nghiên cứu. Cái thư viện Trung Ương ấy sẽ là nơi hội ngộ của các trí thức và học giả trong nước.

Đặc điểm nữa, hơi tế nhị và phức tạp một chút là “*Văn hóa Việt Nam*” sẽ có tánh cách “*đồng quy nhi thủ đồ, nhất trí nhi bách lự*” nghĩa là chung cuộc cùng quy về một

mỗi dù mỗi mỗi đều tự do theo con đường sống tâm tư, con đường sinh hoạt riêng biệt và đặc sắc của mình, dù mỗi mỗi đều có lẽ lối suy tư theo mình, nhưng đều nhất trí quay về một mối chánh, là Tự do, là Giải phóng. Hay nói theo danh từ ngày nay “*Văn hóa Việt Nam*” sẽ chỉ có ý nghĩa là một sự “*hợp nhất*” (unification) chứ không có nghĩa là một sự “*tập trung*” (centralisation). Nghĩa là không có cái mà ta gọi là “*văn hóa chỉ huy*” (culture dirigée) như ở các chế độ độc tài dùng làm công cụ cho một mục đích chính trị tạm thời, mà ta phải triệt để tôn trọng sự tự do phát triển của từng cá nhân trong từng nhóm văn hóa quay quần chung quanh một Trung tâm Văn hóa, một thứ hiện tượng mà khoa Thiên Văn Học ngày nay gọi là trung tâm hấp dẫn theo kiểu các “*Thái dương hệ*”: sự vận chuyển của mỗi vì tinh tú chung quanh một vì tinh tú trung ương đều dường như có khuynh hướng muốn vượt ra ngoài ảnh hưởng thu hút của trung tâm, nghĩa là mỗi vì tinh tú đều có một lối sinh hoạt vừa đặc thù vừa công cộng cùng trong một hệ thống chung. Trong một cơ thể sống và lành mạnh, các bộ phận đặc thù (như Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận) đều được sống theo cái sống đặc biệt của mình, nhưng vẫn liên hệ mật thiết với nhau trong một cái sống chung của toàn cơ thể. Phần sự của Tâm, của Tỳ hay của Phế không thể thay thế nhau, cho nên không có cái nào trọng cái nào khinh: các bộ phận đều cần thiết cho cái sống chung của toàn cơ thể. Nếu một trong các bộ phận mà suy yếu thì các bộ phận khác cũng chịu ảnh hưởng không tốt chung và lần lần trở nên suy yếu cả.

Như vậy, một Viện Văn Hóa Việt Nam sau này, sẽ là trung tâm dẫn lực cố gắng giúp đỡ cho các hội văn hóa đại diện cho nhiều lớp người làm văn hóa trong nước được hoàn thành cảnh “*vườn hoa muôn sắc*”. Nó sẽ như vùng Thái dương giúp cho muôn hoa đua nở, nhưng cây nào trở hoa nấy, chứ không bắt buộc các thứ hoa phải trở một màu một sắc, cùng một hương vị giống nhau.

Nền Văn hóa Việt Nam, nói riêng, phải như vậy, thì Văn hóa mới thực hiện được sứ mạng của nó. Một mâu thuẫn khổng lồ, nhân đó sẽ có thể giải quyết được vấn đề căn bản của hạnh phúc con người: *điều hòa được vấn đề Cá nhân và Xã hội*.

Tóm lại, để đừng có sự ngộ nhận chúng tôi xin nhấn mạnh về điểm chính này: căn cứ vào luật “*bất bình đẳng tự nhiên*” không phải chúng tôi muốn lấy đó để làm nền tảng xây dựng xã hội tương lai, cố giữ mãi người nào ở nguyên địa vị nấy, vì nói thế tức là phủ nhận cả công trình văn hóa và giáo dục. Chúng tôi chỉ nêu lên một cái luật tự nhiên để đừng ai ngộ nhận nó mà mong đi ngược lại bằng cách san bằng nhất luật, biến con người trong xã hội thành một đoàn người máy vô danh và vô trách nhiệm. Chúng tôi muốn xã hội phải được tổ chức cách nào để giúp cho tất cả mọi người có chí nếu có đủ phương tiện phát triển sở năng của mình hầu vượt lên khỏi cái số phận hiện tại của mình. Chúng tôi chủ trương tất cả mọi người phải được quyền bình đẳng trong phương tiện

không được dành riêng cho một hạng người nào, và tất cả mọi người phải được bình đẳng hưởng thụ các quyền lợi tương đối với tài hoa và năng lực của mình. Không phải san bằng mọi đẳng cấp trong xã hội, mà cần thiết là phải san bằng cho tận gốc mọi bất công xã hội để mà đặt mỗi người trong địa vị tương xứng của họ, hợp với sự phân công cộng tác trong một xã hội cộng đồng mà mực sống của từng giới và cấp bậc không được cách biệt nhau quá đáng.

*

Muốn thay đổi xã hội, muốn lập lại công bằng cho xã hội cần phải dùng một phương pháp khác, hiệu quả hơn là phương pháp chống đối, bức bách và nổi loạn như trước giờ người ta đã dùng, mà họ đã gán một cách sai lầm danh từ cách mạng.

Sự đòi hỏi, ganh tỵ hoặc khép chặt tâm hồn mình trong sự cô đơn tị thế bất cần đến xã hội chung quanh... chỉ là giải pháp lẩn quẩn, không bao giờ đem lại an lạc cho tâm hồn cũng như hòa bình và hạnh phúc. Không một nhà tâm lý nào mà không nhìn nhận rằng hễ sợ cái gì thì lại càng dễ tạo nên cái mà mình đã sợ; than trách cái gì thì càng dễ khiến cho điều mình than trách càng trở nên đáng than trách hơn nữa; bức bách đòi hỏi thì lại càng thêm gay gắt và thù hằn chập chồng, vì đã chạm lòng tự ái của nhau, khép chặt tâm hồn mình trong cô đơn, vì thật sự cô đơn chẳng bao giờ có trên cõi đời này: cá không thể lìa nước, người không thể tách khỏi xã hội của loài người, hơn nữa ngoài vũ trụ thiên nhiên.

Trái lại, lòng tin tưởng càng gây thêm lòng tin tưởng; lượng bao dung sẽ làm quên lãng những cảnh bất công, và tình thương yêu tạo nên bầu thông cảm. Và chỉ có thông cảm mới có thể giải quyết được. Bất cứ một cuộc tranh chấp nào trong đời, sở dĩ người ta không đi đến sự thông cảm với nhau được, là vì không chịu tạm quên cái lẽ phải của mình để tìm hiểu cái lẽ phải của kẻ khác. Có hiểu nhau mới có thể tha thứ cho những lỗi lầm của nhau, vì nhân đó mới có thể yêu nhau và cộng tác với nhau được một cách chân thành.

*

Muốn xây dựng một xã hội công bằng, nhất định phải khởi đầu trong đơn vị xã hội căn bản và nhỏ nhất của con người, là GIA ĐÌNH.

Gia đình phải là nền tảng của xã hội cộng đồng lý tưởng của ta sau này. Nhất là gia đình kiểu mẫu của người Việt Nam ngàn xưa. Cặp mâu thuẫn đầu tiên mà chúng ta phải giải quyết là cặp mâu thuẫn căn bản ấy, trong đó chồng có bốn phận chồng, vợ có bốn phận vợ, cha có bốn phận cha, con có bốn phận con, và an hem trong nhà mỗi người đều có bốn phận riêng trong một sự phân công cộng tác chặt chẽ. Nơi đây là một cuộc sống

tập đoàn thực sự với một tấm lòng thương yêu và tin nhau tuyệt đối, một sự kính trọng lẫn nhau, nhường nhịn lẫn nhau về những ý kiến dị đồng, nhưng cùng một ý chí xây dựng, nhất là sự hoạt động chung bao giờ cũng được diễn ra trong vòng trật tự tôn ty và tự do cởi mở. Đó là xã hội cộng đồng lý tưởng người ta không tìm thấy được có sự ích kỷ riêng tư; vì thế hề có một cái lợi gì, tức đó là cái lợi chung cả gia đình; cũng như, hề có một cái hại gì, tức đó là cái bại chung cho cả gia đình: tất cả đều phải chịu liên đới trách nhiệm. Cha mà có bận thì mẹ làm, vợ có bận thì chồng làm... không bao giờ có đặt vấn đề tranh đấu hay quyền lợi riêng tư, cạnh tranh giành giật gì nữa cả.

Gia đình mà không giải quyết được lý tưởng ấy, cái lý tưởng xã hội cộng đồng của nó, thì đừng có mong đem lý tưởng ấy vào nhà trường hay xã hội... Một nhà giáo dục tên tuổi có viết: “công việc to tát nhất của giáo dục là dạy cho các trẻ em biết sống trong xã hội cộng đồng. Nhưng chúng ta có dạy được chúng không, là khi nào chúng ta đã thực hiện nó được trong đạo vợ chồng, một xã hội cộng đồng thiết thực nhất trong đời ta”. Một nhà đại giáo dục phương Đông ngày xưa cũng đã có nói rất đúng: Gia có tề, nước mới trị; nước có trị, thiên hạ mới có bình.

Gia đình Việt Nam phải là một thứ xã hội cộng đồng gương mẫu và căn bản của xã hội Việt Nam sau này, và giáo dục cũng phải là *giáo dục cộng đồng* mà chúng tôi xin bàn đến như sau đây.

*

CHƯƠNG THỨ HAI

II

ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC NGÀY NAY PHẢI NHƯ THẾ NÀO?

Căn cứ vào những quan điểm trên đây, để đừng gặp cảnh “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, đường lối giáo dục ngày nay, cũng sẽ không “*san bằng nhất luật*” lối dạy dỗ, mà phải cố gắng *cá nhân hóa giáo dục* để cho mỗi cá nhân được phát triển tự do khả năng đặc biệt của mình đến tột độ, và đồng thời phải hướng những cá nhân ấy vào việc cộng đồng hợp tác, tức là cũng vừa phải biết *xã hội hóa cá nhân*, tránh cho học sinh có những cơ hội chia rẽ, ganh tỵ thù oán nhau³. Chỉ có lối giáo dục này mới giải quyết được sự mâu thuẫn khổng lồ giữa cá nhân và xã hội mà từ trước đến giờ đã làm đảo lộn nhân loại... Mà mục đích giáo dục ngày nay là đào luyện những người công dân tự do trong một xã hội tự do có tổ chức cộng đồng. Nghĩa là *giáo dục không được quyền ưu đãi một hạng người nào để bỏ rơi những hạng người khác*. Làm như thế là phung phí một cách bất công và tàn nhẫn một số đông người không cùng một khả năng, không cùng một khuynh hướng, như chế độ thi cử ngày nay của chúng ta đã làm. Nếu phải nói thẳng ra mà không sợ đau lòng, thì chế độ thi cử ngày nay chỉ chọn lọc có một hạng người giàu trí nhớ, giỏi toán và tự động hoặc chuyên làm một công việc gì nhất định. Giáo dục phải giúp cho mỗi cá nhân thích ứng mau lẹ và chắc chắn với hoàn cảnh càng ngày càng phức tạp của xã hội ngày nay. Phải làm sao cho họ ý thức rõ vai trò xã hội của họ và phát triển nơi họ tinh thần trách nhiệm đối với mọi đoàn thể xã hội, can đảm chấp nhận những vai trò của họ đang đóng góp bất cứ trong một đoàn thể nào, bất cứ trong một ngành hoạt động xã hội nào.

*

Cá nhân hóa giáo dục là cung ứng cho mỗi đứa trẻ những điều hiểu biết thích ứng với trình độ và khả năng của chúng. Hai khẩu hiệu này có thể dùng làm căn bản cho lối cá nhân hóa giáo dục: “*Tất cả đều phải được quyền học hỏi nếu học được, không phải cung ứng cho tất cả mọi người phải cùng chịu chung một chế độ giáo dục như nhau, mà*

³ Cho nên cần tránh sự đem Tôn Giáo và Chính Trị vào học đường để tránh sự chia rẽ, thù hằn nhau, vì trong thực tế, đó là hai nguyên nhân chia rẽ con người trong xã hội

phải cung ứng cho mỗi cá nhân những gì cần thiết cho sự phát triển khả năng của họ vì sự lợi chung của toàn thể.”

Nghĩa là phải biết thích ứng các môn học cho đúng với trình độ và khả năng thu nhận của mỗi người.

Giáo dục cá nhân phải là lối *giáo dục toàn diện*: đức dục, trí dục và thể dục phải được mật thiết liên quan, tuy ba mà là một, chứ không được phân chia ra từng khu vực độc lập. Cả về các môn dạy khác trong chương trình cũng thế; không có môn nào độc lập cả.

Giáo dục là để giải thoát TRÍ NÃO con người ra khỏi vòng u mê tăm tối của vô minh đang bao bọc con người: đó là TRÍ DỤC.

Giáo dục là giải thoát tâm hồn con người ra khỏi vòng nô lệ của dục vọng, của những thiên tính thô sơ của con người bán khai cổ lỗ, nghĩa là ra khỏi vòng thú tính, của lòng ích kỷ, nguồn gốc của chia rẽ và tội lỗi, đó là ĐỨC DỤC.

Giáo dục là giúp cho trẻ em có được tinh thần tự lập, nghĩa là hướng dẫn chúng nhận lấy trách nhiệm đi vào con đường mà sau này chúng phải đi lấy một mình, xa hơn và cao hơn cái chỗ mà chúng ta đang dừng nơi đây. Giáo dục là dự bị cho chúng không cần ỷ lại vào ta nữa. Nhà giáo dục hay nhất, là nhà giáo dục biết dạy dỗ cách nào cho đứa học trò không còn cần đến mình nữa. Nhà giáo dục mà có nhiều đệ tử trung thành luôn luôn cần đến mình, là nhà giáo dục dở nhất. Và như thế, sự cần thiết nhất, không phải nhồi nhét sự hiểu biết của mình, mà phải truyền dạy cho chúng những phương pháp để chúng tự nghiên cứu lấy. Ta phải tập cho chúng tự biết hành động, biết phản ứng một cách thông minh khi chúng bị bắt buộc sống một mình và chịu trách nhiệm những hành vi và tư tưởng của chúng.

Lẽ dĩ nhiên ta phải tùy theo trình độ và tuổi tác của chúng mà buộc lại hay nói ra cái quyền tự do động tác của chúng. Nghĩa là giáo dục phải biết chọn những cơ hội thuận tiện vừa chừng để nói cái quyền phụ huynh của mình, giúp cho chúng cách sống tự do, tự lập và nhận thức rõ trách nhiệm của chúng mà đừng đổ thừa sự thất bại cho người kia kẻ nọ ngoài chính mình. Nghĩa là phải giúp chúng đi đến trình độ biết “trách kỷ” mà không “trách nhơn”. Cái thói “trẻ cậy cha, già cậy con” là cái ung nhọt của thời xưa lưu lại, cần phải được bài trừ triệt để. Cái thói hư nết xấu của giai cấp phú hào trường giả tập tành cho con cái trong nhà luôn luôn ỷ lại vào con sen thẳng bếp trong từng mảnh mún hành vi mà tự chúng cũng làm được. Nơi trường, người ta quan niệm việc học hỏi cũng một thế: Ông thầy làm tất cả, còn học sinh chỉ suốt đời ỷ lại vào những công trình đã làm sẵn cho Ông thầy. Hễ con thì ỷ lại cha mẹ, vợ thì ỷ lại chồng, già ỷ lại trẻ, còn ngoài đời

người công dân thì khoán trắng cho chánh phủ tất cả, ngay những gì liên quan mật thiết đến việc tư riêng của mình. Dù muốn dù không với tinh thần ý lại ấy, người dân bắt buộc chánh phủ phải đi đến Quốc quyền, độc tài tuyệt đối.

Ở trong những chế độ độc tài thì sự giáo dục dĩ nhiên không có tự do, và khi mà người cầm quyền muốn củng cố địa vị của mình, không thể cho phép có đầu óc tự do không biết phục tùng nô lệ. Xem ngay cái học từ chương khoa cử từ xưa đến nay ở các chế độ chuyên chế độc tài đều có mục đích duy nhất chung này, là đào tạo những người dân phục dịch và thụ động, đặt đầu gối xuống. Với một tinh thần thụ động mà muốn việc, bất cứ là việc gì, cũng đều tuyệt đối giao phó cho chánh quyền tha hồ tác phúc tác họa thì dù người dân có bất mãn chế độ độc tài này mà có nổi loạn đập phá đi nữa, học cũng chỉ đem cái này xuống, để đưa cái khác lên, họ đã quen sống trong tinh thần ý lại vô trách nhiệm, họ bao giờ cũng cần đến có sự dẫn đạo chỉ huy. Cách mạng của họ chỉ là một sự thay đổi người, thay đổi nhãn hiệu mà thôi.

Phần đông người chúng ta xưa nay hay quá tin nơi năng lực tuyệt đối của chế độ đối với hạnh phúc con người. Họ tin rằng người chỉ là sản phẩm của xã hội: những chế độ tự do sẽ đưa con người đi đến tự do, những chế độ nô lệ sẽ đưa con người vào vòng nô lệ.

Tự do đâu phải là món quà mà ai muốn tặng cho ai thì tặng, muốn cho ai hưởng thì hưởng. Thực sự, chỉ có những ai có đủ điều kiện và tư cách sống tự do mới được quyền sống tự do mà thôi. Trái lại những kẻ chưa đủ tư cách sống tự do mà để họ sống tự do là làm hại họ và cũng làm hại luôn những người chung quanh họ nữa.

Tự do đâu phải đến một cách tự nhiên với ta, nếu chúng ta muốn, mà phải là một cuộc chinh phục từng giây phút, từng hơi thở của ta mới được. Tranh đấu cho tự do tuy khó, nhưng cũng còn dễ hơn là gìn giữ cái tự do ấy cho được lâu dài.

Chế độ chính trị là do *dân khí* tạo ra, chứ không phải nó tạo dân khí. Dân khí sinh ra chế độ: hễ dân khí cao thì chế độ phải nói rộng, không nói rộng khôngặng. Cổ mà thu hẹp nó mãi, sức dồn ép của nó càng trở nên mạnh mẽ và khi mà “tức nước vỡ bờ” thì sẽ không còn một lực lượng nào đàn áp nổi. Trái lại dân khí mà thấp thì dù có cố sức mang lại cho nó một chế độ tự do rộng rãi bực nào, nó cũng sẽ tìm cách trở về con đường nô lệ cũ không sai. Thói quen là thiên tính thứ hai, cho nên đã quen sống trong nô lệ, bản lĩnh yếu đuối không đủ sức sống tự chủ mà ban cho tự do quá sớm, có khác nào trao cho đứa bé lên ba một con dao sắc, chỉ e làm hại cho thân nó trước nhất mà thôi. Cho nên nâng cao *dân khí* là vấn đề tối quan trọng hơn là vấn đề chế độ chính trị.

Dân khí nương theo chế độ mà cao thêm; chế độ nâng đỡ nhau mớiặng.

Dân khí mà cao hơn chế độ nhiều, thì chế độ ấy phải đổ nát. Còn chế độ mà cao hơn dân khí nhiều, thì dân tộc ấy phải càng ngày sẽ càng thêm hỗn loạn, sa sút và tiêu trầm. Cũng như trong nhiều gia đình chúng ta ngày nay học đòi thói sống tự do của Tây phương, đã để cho con cái sống quá tự do trong khi chúng chưa đủ tư cách sử dụng cái tự do của chúng, đã làm cho những gia đình ấy sa vào hỗn loạn và phá sản kinh khủng. Đó là điều không cần minh chứng dài dòng: bất cứ một ai đều thấy rõ theo kinh nghiệm bản thân. Một chế độ gia đình quá hẹp hòi khắc khe, cũng như một chế độ gia đình quá tự do, quá buông thả... đều phải bị chung một số phận, là đi đến một gia đình tan nát.

Có những cuộc cách mạng bạo động cốt đập phá những chế độ cũ, lập lại những chế độ mới và cưỡng bức những người dân phải sống theo, trong khi dân chúng chưa đủ điều kiện và tư cách sống theo, đã biến thành cuộc cách mạng hữu danh vô thực, chứng minh câu “bộ áo không làm nên thầy tu”.

Bất cứ nhà quan sát nào đến nước Anh đều dễ ý thấy rằng dân khí nước này khác xa dân khí nước khác cùng một chế độ. Tinh thần cá nhân kỷ luật rất cao. Việc ai nấy lo, không ai muốn làm bận đến ai cả, mà cũng không muốn ai làm bận đến mình nếu thấy không cần. Chừng nào bắt buộc dĩ họ tự thấy không thể giải quyết được một mình, bấy giờ họ mới chịu làm phiền đến kẻ khác. Mỗi người đều biết quý trọng tự do của mình và đồng thời không bao giờ vì trọng tự do của mình mà dẫm lên quyền tự do của kẻ khác. Ngay khi ở những nơi công cộng như ở các nhà ga là nơi rất đông người tụ họp, thế mà người dân Anh đều biết giữ gìn kỷ luật, không chen lấn, không có người chặn giữ. Từ một anh thợ trong sở, đến một cậu học sinh trong trường đều biết điều khiển lấy mình, không cần thiết mấy đến có kẻ chăm nom gìn giữ. Tinh thần trách nhiệm của người dân trong nước này đã tập luyện ngay từ khi họ còn ở gia đình, nhất là ở nhà trường. Từ đời tư đến đời công của họ cũng một thể: họ không thích ỷ lại vào ai cả, dù là đối với chính quyền. Nếu rủi có một cái máy nước trong làng hư, hoặc họ tự thấy cần phải tạo thêm một con đường đi cho thuận tiện, họ xuất tiền ra thi hành ngay công việc ấy, không chờ đợi chính quyền giúp đỡ hay can thiệp. Mà chính phủ của họ cũng luôn luôn để họ tự do định đoạt lấy nếp sống của họ, và nếu cần cũng giúp đỡ thêm mà không bao giờ có lòng ganh tị đối với những sáng kiến cá nhân. Dân tộc họ là một trong những dân tộc tự do nhất thế giới. Quyền thế của Chính phủ đối với họ càng giảm, vì đối với họ Chính quyền không cần thiết cho họ mấy, nên không nô lệ họ được nhiều như ở phần đông các dân tộc khác mà muôn việc đều trông cậy và khoán trắng cho chính quyền.

Chỉ trong vòng một thế kỷ, một nhóm người của họ đã khai thác được một vùng đất mênh mông bên Tân thế giới, lập thành một nước mà nay sự hùng cường đứng vào hàng

nhất nhì thế giới. Ở đây, luật đào thải dễ thấy nhất: chỉ có những người nào có tánh khí mạnh mẽ, giàu nghị lực, giàu sáng kiến mới sống nổi.

Với một tánh khí như những người dân như thế, thì dù họ sống trong một chế độ quân chủ, họ cũng vẫn tự do hơn các nước dân chủ chỉ có hình thức mà không có thực chất. Dù cho bậc cầm quyền trong một nước là một vị vua hay gì đi nữa... thì đặc tính chung của chính thể họ có thể gồm trong trọng điểm này: hành động của chính quyền thu hẹp lại mà hành động của tư nhơn được đề cao đến tột độ. Thử hỏi với những kẻ tự mình đã biết trọng kỷ luật, biết tự điều khiển lấy mình, biết tự giải quyết lấy những vấn đề quan hệ đến đời sống hàng ngày của mình, biết hợp nhau làm các cuộc doanh nghiệp, mở trường, tạo cảng, xây thành... đâu đâu cũng thấy hành động của tư nhơn được lên cao đến thế, thì còn chỗ nào để cho hành động Chính phủ xen vào. Ngoài ty cảnh sát, binh bị và ngoại giao... thử hỏi Chính phủ còn dùng đến chỗ nào nữa? Với một dân tộc mà *dân khí* cao đến thế thì dù để họ sống trong chế độ nào, chế độ ấy cũng phải là chế độ tự do hơn các chế độ tự do khác cùng một danh hiệu.

Trái lại, cũng cùng là một cõi thế giới như nhau mà phía Nam Châu Mỹ lại khác. Tuy bờ cõi rộng hơn Âu châu, nhưng dân số lại mười lần ít hơn. Dân chúng xứ này đại đa số là người giòng giống Tây Ban Nha chia ra nhiều nước Cộng Hòa... Cả thảy đều thể hết theo chế độ của Hợp Chúng Quốc, thế mà thật sự, chỉ vì tánh khí dân tộc này khác hẳn tánh khí dân tộc Hợp Chúng Quốc nên tuy sống cùng một chế độ như nhau, mà các nước ấy không hưởng được cảnh thái bình thịnh trị như H.C.Q. Mặc dù rất giàu, đắm trong sự lãng phí đủ mọi phương diện và đi mãi vào con đường phá sản chuyên chế vô cùng khốc hại. Không chuyên chế thì không sao lập lại trật tự, mà dùng đến chuyên chế thì khổ dân, khổ còn hơn chế độ chuyên chế của thời quân chủ tuyệt đối. Chế độ dân chủ phải là chế độ của những dân tộc mạnh và tinh thần tự lập tự do cao.

Nguyên do của sự suy đồi ấy... là do nơi thể chất tinh thần của dân miền Nam Mỹ Quốc, tinh thần của một dân tộc lai căng không truyền thống, không nghị lực không ý chí, không nhân cách đạo đức gì cả. Sự thiếu nhân cách ở đây trong các nước Âu Mỹ chưa có nước nào tệ bằng. Những nhà nghiên cứu về tình hình chính trị và xã hội đều đồng thanh nhận rằng: trong những xứ này, các vị Tổng thống quyền thế không thua gì các vị Nga hoàng ngày xưa. Dân chúng đầu phiếu một cách hết sức liều lĩnh mù quáng, không thể tưởng tượng. Dân chúng phần nhiều thiếu nhân cách, thiếu óc phê bình, thiếu học thức, thiếu đủ điều kiện để tự mình định đoạt được cho mình một may mắn việc gì quan hệ đến đời sống của mình, thử hỏi họ làm gì biết định đoạt được người nào xứng đáng để cầm quyền vận mạng của họ? Cố nhiên họ sẽ là cái mồi cho bọn làm chính trị giáo hoạt tha hồ nhồi sọ lợi dụng. Kỳ thực trong các nước cộng hòa này, điều nguy hiểm

nhất, là hầu hết những nhà chánh trị đều là bọn người vô danh không trách nhiệm: họ đem chánh trị làm một nghề buôn bán gian hùng.

Tóm lại, dân khí nào chế độ nấy. Dân khí là nhân, chế độ là quả. Chế độ chưa phải là linh đơn tuyệt đối của hạnh phúc con người. Tốt hay xấu, dở hoặc hay đều do sự thích hợp hay không thích hợp với trình độ dân chúng mà thôi. Bất một dân tộc còn bán khai mà sống trong chế độ của một dân tộc văn minh có khác nào bắt tôm cá phải sống trên đồng bằng... và đừng vô tình đem cái thuật cứu nhơn mà hại nhơn.

Mỗi dân tộc đối với chế độ chánh trị xứ họ không khác nào với bộ quần áo của mình. Người lớn không thể bận bộ đồ người nhỏ, và trái lại.

Những dân tộc mà *dân khí* đã đến trình độ cao rồi, nếu bị ép uống phải sống trong chế độ nô lệ, họ sẽ phá hoại cái khuôn khổ không vừa vặn với họ nữa kia, để thay vào một chế độ vừa vặn với họ hơn. Nhưng, khi họ bỏ một chế độ này sang một chế độ khác, lắm khi họ lại đi quá cái chừng họ phải dừng, để đèo bồng một chế độ cao, quá trình độ dân khí của dân chúng mà thành ra uống phí công phu cách mạng của họ, lại còn tròng lên một cái ách nô lệ khác vào mình mà không hay. Thái quá cũng như bất cập, đều là việc không hay cả. Đây là giai đoạn nguy hiểm nhất của những dân tộc nhược tiểu, kém mở mang vừa được giải phóng, bất kỳ là bằng một cuộc cách mạng nào.

Như vậy, ta thấy rằng nâng cao dân khí là vấn đề tối quan trọng trong sự tồn vong của một dân tộc.

Nâng cao dân khí thuộc về phạm vi của Văn hóa. Nhất là Văn hóa ở nơi căn bản của nó: là Giáo dục. Emerson nói rất chí lý: *“Chánh trị đến rất muộn, nó chỉ trị ngọn mà thôi. Vậy ta phải tìm đến tận gốc, và đây chính là nhiệm vụ của Giáo dục”*.

Vậy, mục đích của Giáo dục của ta ngày nay nhằm vào đâu? Nó đã có mục đích gì chưa, hay chỉ tiếp tục chương trình vá vúi của một chế độ giáo dục cũ của thời thực dân lưu lại? Người ta có nghĩ gì về phương pháp giáo dục để đào tạo những người công dân tự do, hay cũng chỉ lo tiếp tục đào tạo những “Ông Tú”, “Ông Cử” như thời xưa với mục đích học để kiếm cơm mà tánh khí thì thụ động, ngoan ngoãn, vì người ta đã vô tình bóp chẹt mọi sáng kiến cá nhân, óc phê bình và tinh thần tự lập của cá nhân. Chúng ta phải ý thức rõ rệt và thẳng thắn vấn đề, và *phải xem các học sinh và sinh viên là cứu cánh chứ không được quyền xem họ như là phương tiện*.

Nhân dân Việt Nam cần phải vươn mình lên cho kịp với chánh thể. Tranh đấu cho tự do tuy khó, nhưng chỉ là cái khó nhất thời mà thôi. Gìn giữ và củng cố nền tự do ấy được lâu bền mới thật là vấn đề khó khăn hơn thập phần. Một chánh khách tầm tiếng Âu châu có nói: *“Điều mà tôi bức lòng nhất về tình trạng nước tôi ngày nay là suốt đời tôi*

đã tranh đấu những cái mà người ta gọi là tự do: tự do báo chí, tự do diễn đàn... Rốt cuộc tôi nhận thấy rằng những cái tự do đó lại đưa nhân dân vào con đường nô lệ tồi tệ nhất là sự ngu độn. Trước khi cho người dân tự do, lẽ ra ta phải dạy cho họ biết thế nào là tự do và dạy cho họ biết sử dụng tự do cách nào cho phải lẽ. Theo tôi sự chuẩn bị đường như chưa đủ!”

Đối với hiện tình nước nhà, câu nói trên đây thật là một câu châm ngôn vàng ngọc mà bậc thức giả trong nước há có thể xem thường mà không nghiền ngẫm châu đáo trong giai đoạn lịch sử khó khăn này.

Phải chăng hiện thời người ta chỉ đã lo nghĩ phần nào về vấn đề *dân trí*, chứ vấn đề *dân khí* chưa được nghĩ đến một cách thiết thực?

Như vậy, giáo dục phải là “*công trình tập sự để đi đến tự do*” thì giáo dục ấy mới toàn được sứ mạng của nó trong giai đoạn lịch sử này.

Công việc “tập sự để đi đến tự do” này, ta cần phải đem nó áp dụng ở nhà trường ngày nay. Chúng ta phải tập thanh niên biết *vâng lời*... Vì có biết vâng lời mới có thể biết chỉ huy điều kiện. Nhưng cũng phải tập chúng biết phán đoán phê bình, nhất là biết nhận lãnh trách nhiệm mà ta sẽ giao phó cho chúng ta sau này. Giáo dục mà chúng ta đang cần là lối giáo dục dọn đường cho con em chúng ta *tự biết sử dụng cái quyền tự do của chúng, cái quyền tự do của một người công dân trong một nước tự do*.

Lối dạy dỗ của ta ngày nay sẽ không còn phải là lối uốn nắn học sinh, sinh viên thành những “kệ sách” hay “tủ sách”, biến chúng thành những bộ óc chỉ giỏi toán, giỏi lý hóa hay ngoại ngữ mà thôi... mà phải là lối dạy dỗ cho chúng biết đoàn kết, hy sinh, biết trọng kỷ luật và ham mến tự do, nghĩa là biết sống tập đoàn và phân công cộng tác... Người dù thông minh tài giỏi đến đâu mà chỉ lo nghĩ đến mình, đến địa vị quyền lợi riêng tư của mình mà không có ích gì cho đồng loại, phải làm cho chúng ý thức rằng hạng người đó là hạng người bỏ đi trong xã hội loài người ngày nay.

Nhà trường là nơi học cách trở nên một người có đủ óc thông minh sáng suốt và cũng vừa học cách sống chung với đồng loại.

Học đường phải là nơi mà ta học được cái ý nghĩa hạn định của hai chữ tự do, nghĩa là tự do không phải là muốn làm gì thì làm mà phải biết kính trọng tự do kẻ khác, nếu mình muốn kẻ khác kính trọng tự do của mình: giải quyết vấn đề cá nhân và xã hội nơi bản thân trước hết.

Học đường phải là nơi mà ta học được cái bài học xử thế đầu tiên này, là phải có cho ra một cái gì mới được quyền nhận hưởng một cái gì, chứ không được quyền hưởng

thụ một chiều việc làm của kẻ khác, vì đó là đầu mối của sự lợi dụng bóc lột của các cấp được ưu thế và chỉ huy trong xã hội.

Từ trước đến giờ, người ta đã có sẵn thành kiến rằng đứa học trò giỏi nhất chỉ là đứa thuộc bài giỏi nhất. Có ai dám tin tưởng rằng, trong suốt thời gian đèn sách người ta bắt học sinh chỉ biết dạ dạ vâng vâng, khò lưng cúi cổ, làm việc như bộ máy, học bài như con vẹt... nhất nhất đều y lại nơi người trên, thành công bằng thủ đoạn... ích kỷ, ganh tỵ nhau từng điểm số, từng hạng bậc trong các kỳ thi trong lớp... rồi đột nhiên ra đời với bao nhiêu thành kiến sai lầm ấy đã đúc thành thiên tính thứ hai lại bỗng trở thành một công dân sáng suốt, tự do, biết đề quyền lợi của tập đoàn trên hết và biết hy sinh đoàn kết! Người học nhiều nhớ nhiều mà không tiêu hóa được cái học hỏi của mình là người không có văn hóa, dù họ đậu các bằng cao nhất.

Nước nhà đang bắt đầu dự bị cho con dân đi lần đến Tự Do, có sao còn mãi áp dụng lối giáo dục nhồi sọ, ngu dân, nô lệ... của chế độ thực dân để lại? Cái lối cho điểm, sắp hạng... lợi chẳng chỉ có một phần nào, chứ cái tai hại chia rẽ và ganh tỵ khiến cho lòng người mất cả những ý niệm thanh cao của những sự hy sinh đoàn kết. Tám mươi mấy năm đô hộ của ngoại bang là kết quả của sự thành công mỹ mãn của phương pháp giáo dục của họ. Thức giả chúng ta há còn sống say chết ngủ mãi được ư?

Thay vì dạy cho trẻ em sống đứa này biết hy sinh cho đứa kia, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc học hành, đứa giỏi dạy lại đứa dở, đứa tốt dạy lại đứa xấu, đứa lớn săn sóc đứa nhỏ như trong một gia đình, anh chị lớn dạy dỗ săn sóc đứa nhỏ hơn, khi cha mẹ vắng mặt thì đứa lớn quyền huynh thế phụ, chăm sóc đàn em thơ... Gia đình ấy là gia đình kiểu mẫu Việt Nam, tại sao ta không biết áp dụng tổ chức ấy mà biến học đường làm một đại gia đình, đem sự tương thân tương trợ khiến cho các lớp học sinh biết yêu thương nhau như cốt nhục lại đem những phương pháp tranh đua dòm dõ nhau, cho điểm, sắp hạng, thi cử... (những phương pháp lạc hậu mà các nhà giáo dục tiền tiến Âu Mỹ gọi là phương pháp ấu trĩ và lạc hậu của thời kỳ trung cổ) làm phương châm giáo dục?

Ta nên nhớ kỹ điều này: *Gọi là quyền lợi chung không phải là tổng số các quyền lợi tư riêng, mà chính là tổng số của những hy sinh của từng cá nhân trong đoàn thể.* Từ trước đến nay phần đông chúng ta đã quan niệm sai lầm rằng *quyền lợi chúng* là tổng số các quyền lợi tư riêng... và bởi thế mới có những sự tranh chấp liên miên ngay trong các đoàn thể xã hội và quốc gia. Đây là chân lý cực kỳ quan trọng mà mỗi một người chúng ta trong một xã hội tổ chức cộng đồng không thể vô tình không lưu ý.

*

Vậy, ta phải biết *xã hội hóa giáo dục* mà tổ chức cách *học tập thể từng đoàn trong một lớp*. Muốn luyện tập học sinh về phương diện xã hội, tại sao ta không biết biến những công việc học tập hàng ngày thành những việc học tập chung giữa một số học sinh chia nhau từng nhóm, và bắt chúng phải biết cách phân công cộng tác với nhau dưới sự chỉ dẫn sáng suốt của một Ông thầy rành việc? Phương pháp làm việc tập thể này có thể áp dụng trong bất cứ ngành học nào, toán pháp, lý hóa, sử địa, văn chương... Với cách làm việc tập thể này, không khí nhà trường sẽ khác hẳn. Ai đã may mắn được các bạn thân cùng nhau làm việc đều phải công nhận rằng: học thầy không tày học bạn. Và nếu mình khá hơn bạn, khi mình giảng lại bài nào cho bạn mình (một bài toán hay một bài văn) mà cố giúp cho người bạn mình hiểu như mình, thì chính mình đã được hiểu thêm một cách sâu rộng hơn trước.

Cách học tập này đã ngẫu nhiên điều hòa được Đức dục và Trí dục. Tài và Đức đều được rèn luyện ngang nhau. Người dạy và người học đã gây được một mối tình sâu đậm càng ngày càng khấn khít.

*

Thể dục cũng không thể quan niệm rời ra đối với Đức dục và Trí dục. Giáo dục hoàn toàn là lối giáo dục đào tạo được “một tâm hồn trong sạch trong một thân thể tráng kiện” (*mens sana in corpora sano*).

Muốn điều hòa thể dục và đức dục, không còn phương pháp nào hay hơn là đào tạo tinh thần thể thao. Thể thao là một cuộc chơi về thể dục, trong đó có nhiều quy luật giả tạo mà hai bên đối phương đã tự ý đặt ra và thừa nhận một cách tự do không cưỡng bách.

Nhà cầu thủ có tinh thần thể thao sẽ không bao giờ gian lận tráo trở rằng trái banh đã vào lưới là chưa vào lưới... Những cầu thủ tự mình bắt buộc phải tuân theo luật chung mà đôi bên đã chấp nhận là những quy luật bất khả xâm phạm. Thật vậy, nếu không có quy luật và không có sự tuân theo quy luật, sẽ không thành một cuộc chơi gì cả.

Một cái thói quen như thế, nếu đem ra huấn luyện, bắt buộc tất cả thứ dân trong nước hưởng ứng... lâu ngày họ sẽ có thể biến thành những người công dân trong nước có tánh ngay thật, liêm sỉ. Lòng tôn trọng pháp luật sẽ trở thành lòng tôn trọng và tuân theo pháp luật.

Phàm trong những cuộc giao thiệp trong xã hội, nếu muốn có trật tự yên ổn, mỗi người phải biết thừa nhận một quy ước xã hội chung và tuân hành một cách liêm sỉ chân thành. Phải chăng văn minh loài người được càng ngày càng cao là vì đã biết căn cứ trên nền tảng xã ước ấy. Những quy ước xã hội đặt ra mà ngày nay ta gọi là luật pháp có khác gì những quy luật của những cuộc chơi thể thao đã đặt ra. Thấy đều có tánh cách tự

chuyên người ta muốn ước lệ với nhau sao thì ước lệ, miễn hai bên đều thừa nhận thì những ước lệ ấy được biến thành quy luật mà không ai được quyền vi phạm. Trong một cuộc đấu cầu, lệ buộc không ai được quyền đụng tay vào quả bóng: nếu bất cứ ai rủi vi phạm sẽ bị trừng phạt mà không được phép kêu nài.

Tinh thần thể thao không những dạy ta biết trọng quy luật lại còn buộc ta phải biết liêm sỉ thừa nhận và hoan nghênh sự đắc thắng của đối phương, biết trọng kính và nghiêng mình trước tài hay trí giỏi của đối phương.

Tinh thần thể thao mà được huấn luyện đến mức hoàn toàn sẽ giúp mình làm chủ được lòng thiên vị, chịu thua là bại trận một cách quân tử hơn là thắng trận một cách tiêu nhân, bằng những thủ đoạn đê hèn.

Người có tinh thần thể thao không chấp nhận nguyên tắc đấu tranh thủ đoạn này: miễn thành công, bất chấp phải dùng đến những phương tiện xấu xa hèn hạ nào. Có đúng với tinh thần luân lý cổ truyền Đông phương: “hưu tương thành bại luận anh hùng” (không nên lấy sự thành bại mà luận kẻ anh hùng).

Tôn chỉ của thể thao có thể gồm trong câu châm ngôn này: nếu anh thất bại keo này, hãy can đảm tranh đấu lại keo khác. Cái lệ bắt tay khen ngợi người đắc thắng sau cuộc tranh đấu là một cử chỉ tự chủ và công bình... Nhưng cái lợi tối cao của thể thao là khéo *điều hòa* được những đức tính cá nhân với tinh thần đoàn đội.

Đây là một cầu thủ: anh có thể chạy hay, lừa banh rất giỏi, can đảm và lanh lẹ... nhưng nếu anh chỉ đá cho anh, không thèm đếm xỉa gì đến lệnh của trọng tài, bất chấp quy luật... hoặc vì lòng tự đắc, tự phụ, vì lòng ganh tỵ đối với tài hay của một chiến hữu nào mà không chịu giao banh cho kẻ khác sợ họ đoạt kỳ công... thì anh này đã chẳng những không lợi ích gì, mà còn rất nguy hiểm cho đội banh của anh là khác nữa.

Người có tinh thần thể thao là kẻ biết đem tài năng đặc biệt của mình để giúp cho đoàn đội mình, họ sẽ không bao giờ quên cái quyền lợi chung của đoàn thể. Nếu anh thấy có ai giỏi hơn liền biết bỏ mình ra sau, giúp đỡ cho kẻ hay làm nên công cả, chứ không có tánh ham danh ganh tỵ cá nhân mà thọc gậy bánh xe làm hư đại cuộc. *Sự khéo dung hòa cả hai đức tính khó dung hòa, là tài năng cá nhân với quyền lợi chung của đoàn thể, phải chăng là mục đích cuối cùng của một xã hội văn minh và cộng đồng ngày nay vậy.*

Tóm lại, trường vận động thể thao là trường học của cuộc đời. Nó là chỗ đào tạo con người nên một công dân có đủ điều kiện làm vẻ vang cho tổ quốc, nhất là có đủ điều kiện để sống một cuộc đời hữu ích cho xã hội gồm đủ những *tư đức* và *công đức* như nhẫn nại, cương quyết, can đảm, thành thật, từng phục và hy sinh.

Cũng như đã nói trên, lối học tập thể đã chẳng những giải quyết được vấn đề trí dục mà còn thực hiện được vấn đề đức dục, thì ở đây tinh thần thể thao sẽ giải quyết được vấn đề cá nhân và xã hội, dùng thể dục mà thực hiện được vấn đề đức dục.

Như thế, ta thấy rõ đức dục ở nhà trường sẽ là nền tảng, là cứu cánh của một nền giáo dục chân chính mà trí dục và thể dục chỉ là những phương tiện mà thôi. Và đó cũng là nền tảng của nền giáo dục cổ truyền Việt Nam: tiên học lễ hậu học văn. Câu “đức thắng tài vi quân tử; tài thắng đức vi tiểu nhân” của Á Đông vẫn là một chân lý bất hủ và phải là nguyên tắc căn bản cho cả nền giáo dục hiện thời trong giai đoạn đau thương này của nhân loại. Giáo dục ngày xưa của ta, cũng như giáo dục mới ngày nay, mục đích chính là đào tạo cho tổ quốc những hạng người tự do quân tử với tất cả ý nghĩa thanh cao của nó.

*

Nói về đức dục, tức là nói về kỷ luật. Kỷ luật không phải để nô lệ con người mà thực sự để mà giải phóng con người. Mục đích của đức dục nơi nhà trường là phải cố gắng đào tạo những tâm hồn tự do, biết sử dụng quyền tự do của một người công dân trong một nước tự do. Tự do nói đây, không nên hiểu là sự phóng túng bê tha, sự buông thả con thú nơi người để mặc tình cho thị dục hoành hành, mà phải hiểu tự do là *kiểu chính thị dục*, là *tự do trong kỷ luật*, là *sự tự trị tự thắng* trước hết. Và kỷ luật cao nhất là thứ kỷ luật tự mình đặt lấy cho mình, hoặc là một kỷ luật được tất cả đều chấp nhận.

Xưa nay, hễ nói đến kỷ luật, người ta luôn luôn nghĩ đến một quy luật do người trên đưa ra và bắt buộc kẻ dưới phải tuân theo như một cái máy. Dùng đến thứ kỷ luật này chỉ ở những trường hợp đặc biệt và bất đắc dĩ mà thôi, dĩ nhiên là vì quyền lợi riêng của từng cá nhân mà mình có bổn phận bảo vệ và hướng dẫn. Kỳ dư thứ kỷ luật này không thể dùng trong công việc giải phóng con người, đưa họ từ nô lệ đến tự do. Thứ kỷ luật này phạm nặng vào nhân phẩm của con người. Nó là thứ kỷ luật nô lệ, biến con người lâu ngày thành một con vật thụ động, vô trách nhiệm và lười biếng. Thứ kỷ luật này đặt trên nguyên tắc bất tín nhiệm: người trên không tín nhiệm kẻ dưới, người dưới cũng không tin tưởng người trên, cho nên bất cứ lúc nào có thể đánh lừa nhau được thì kẻ dưới không do dự gì mà không lừa gạt. Thứ kỷ luật này, bề ngoài thấy có vẻ mưa được trật tự và an ninh, nhưng sự thật, chỉ là trật tự giả tạo dối trá của một lũ tội đồ, luôn luôn chờ đủ cơ hội thuận tiện để nổi loạn, bên trong chứa đựng toàn là giả dối, lừa đảo... Chúng tôi cực lực phản đối chủ trương dùng phương pháp nô lệ để giải phóng con người.

Vậy, muốn đào tạo đoàn con em chúng ta sau này thành những người công dân tự do, phải cho chúng tự biết tổ chức lấy đời sống có nề nếp của chúng, tự giải quyết vấn đề

kỷ luật của chúng. Nếu mỗi mỗi ta đều giành lấy mà làm, đó là tập cho chúng quen tánh ỷ lại. Hoặc trái lại, có những kẻ dồi dào năng lực sẽ đem lại cái sinh lực không được dùng đến của chúng mà tổ chức những tổ chức chồm lên ngoài vòng kiểm soát của chúng ta, dĩ nhiên có nhiều tổ chức hay thì ít, mà dở thì nhiều bởi thiếu kinh nghiệm và người sáng suốt dẫn đạo, Việc ấy rất tai hại cho chúng không biết chừng nào.

Ta phải cố gắng đui dắt chúng tự lập một ban *kỷ luật* do chúng bầu cử và lập lấy nội quy. Tự lập lấy kỷ cương cho mình và tự bắt buộc phải theo kỷ cương ấy, phải chăng là biểu hiện của một tinh thần tự do cao nhất? Và phải chăng đó cũng là cứu cánh của chế độ dân chủ sau này? Giáo dục nào mà không khuynh hướng về đó, giáo dục ấy không thích hợp với tình trạng xã hội ngày nay nữa. Tự do là thuật tự điều khiển để khỏi phải bị kẻ khác điều khiển. Nếu mình không biết tự chủ, thì bắt buộc kẻ khác phải làm chủ mình.

Luân lý đạo đức đâu phải là một môn học suông bằng sách vở hay lời giảng dạy trong một vài giờ công dân giáo dục trong tuần lễ là đủ. Cái lối giáo dục thụ động, trừu tượng ấy trải qua bao thời gian, đã không đem lại được một hiệu quả nào đáng kể. Chung quy dạy luân lý đạo đức... chỉ rỗng để nói hơn để làm. Thảo nào trong đời ta chỉ gặp phần đông toàn nói rỗng nhân nghĩa mà không bao giờ thi hành mảy may nào nhân nghĩa cả, và bởi thế mà thanh niên ngày nay hể nghe nói về luân lý đạo đức là không sao chẳng trẻ môi mai mĩa. Đối với họ, nhà giáo dạy đạo đức là người giả dối nhất trong đời, bởi họ đã đánh mất cái tâm pháp về sự học của Đông phương: Tri hành hợp nhất.

*

Giáo dục ở nhà trường nếu muốn gây được kết quả mỹ mãn, cần phải đừng bị gián đoạn với gia đình và xã hội, nhất là gia đình.

Các nhà giáo dục danh tiếng nhất còn bảo rằng: muốn dạy trẻ em, trước hết phải dạy hàng phụ huynh của chúng. Có đúng như thế.

Những quan niệm sai lầm về giáo dục cần phải được những đấng phụ huynh giác ngộ trước nhất.

Phần đông người phụ huynh chúng ta tưởng rằng cung cấp cho con em mình cơm áo, sách vở, chữ nghĩa... là đã làm tròn bổn phận của mình rồi. Đó là một sự hiểu biết sai lầm.

Không lúc nào bằng lúc này người ta phàn nàn trẻ em hư hỏng. Nhưng rau nào sâu nấy, ta thử nhìn hoàn cảnh mà người lớn đã tạo ra cho chúng như thế nào! Xã hội đã lem luốt, bản thù, bất công, đầy rẫy sự xa hoa trụy lạc, nếu chúng ta không có một phản ứng nào để chặn đứng lại, đó là ta đã có ý phục tùng hoặc vô tình phụ họa vào công việc phá

hoại ấy. Cần phải tổ chức lại xã hội: giáo dục tráng niên phải được đặt vào hàng đầu quốc sách. Tôi sẽ bàn lại vấn đề này, phần tổ chức xã hội, ở một khi khác, ở một nơi khác.

Giáo dục phải là công trình liên tục giữa gia đình, học đường và xã hội. Gia đình và học đường phải nắm tay nhau trong công việc đào tạo một nền giáo dục mà đức dục phải được sắp vào hàng quan trọng nhất. Khoa học và không có lương tâm là sự phá sản của tâm hồn. Gia đình gương mẫu phải là gia đình thuần túy Việt Nam đặt trên sự hy sinh tuyệt đối của mỗi phần tử trong đó... Rồi thì, học đường chủ là tiếng dội xa hơn của gia đình, nơi đây cũng là một gia đình có một nếp sống cộng đồng gương mẫu mà nói rộng biên giới... để đi đến một đại gia đình dân tộc Việt Nam thống nhất.

Sau khi Âu Mỹ bị đầu độc vì chủ nghĩa cá nhân và cái học chủ trí đã gây cho thế giới biết bao tai họa, ngày nay một phần lớn các nhà giáo dục đã tìm đến con đường cải tiến để cứu vãn tình thế hỗn loạn do lòng ích kỷ vô bờ bến của con người gây nên... nhưng có dè đâu con đường chung ấy mà người ta gọi là “giáo dục mới” hay “giáo dục cộng đồng” ngẫu nhiên lại gặp nhau với cái học cổ truyền đạo đức của Việt Nam ngày trước, tức là cái học “TRI HÀNH HỢP NHẤT”, “tiên học Lễ, hậu học Văn” của Đông phương ngày xưa. May thay tìm cổ lại gặp kim, Đông Tây kim cổ rồi lại gặp nhau, biết đâu lại không là cái may cho nền Hòa Bình chung thế giới sau này.

Ai dám bảo Việt Nam không có văn hóa, một nền “*văn hóa cộng đồng*”, lấy giáo dục gia đình làm căn bản. Phải gây cho học đường có được cái không khí của một gia đình Việt Nam thuần túy, nơi đó thầy với trò như cha với con, bạn bè như anh em một nhà... yêu thương nhau, giúp đỡ nhau, đùm bọc nhau... trong một mối tình đầy hy sinh và nghĩa cả.

“Văn minh lượng” (civilization quantitative) ngày nay đang bành trướng mau lẹ quá, và dĩ nhiên cái “*văn minh phẩm*” (civilization qualitative) bị thiệt thòi và lắm khi bị quên lãng... Vậy để giữ lại cái mức *quân bình*, ta cần phải hướng về phần “*phẩm*” nhiều hơn, nghĩa là cố đào tạo những phần tử ưu tú nhất về đạo đức cũng như trước đây ta đã quá thiên về trí thức.

Giáo dục này nay đã quá lo về cái “lượng” mà hy sinh cái “phẩm”, chỉ vụ có nhiều trường học, có đông học sinh hơn là lo về phần *văn hóa* của chúng, thành ra thường đánh giá trị của học sinh bằng sự học nhiều, nhớ nhiều hơn là lo lắng về tự “*tiêu hóa*” các điều học hỏi mà ta đã nhồi nhét cho. Giáo dục mà không có văn hóa, rất nguy hiểm: đâu phải những gì mình ăn là nuôi mình, mà chính những gì mà mình đã “*tiêu hóa*”. Văn bằng ngày nay chỉ được cái “*lượng*” mà dường như không còn bao nhiêu cái “*phẩm*” như ngày xưa. Sự việc không phải là không duyên cớ: người ta đi học càng ngày càng đông,

cấp bằng đã thành con đường duy nhất để tiến thân vì các ngành sinh hoạt khác dường như bị tắt nghẽn vì chiến tranh. Sự ối động văn bằng ngày nay thật đáng lo ngại, những kẻ trong tay có đủ văn bằng mà không tìm ra việc làm vì luật cung cầu bị chênh lệch quá đáng, sẽ là một mối nguy to cho sự thanh bình của xã hội.

*

TẠM KẾT LUẬN

Tóm lại, nhà trường ngày nay phải là nơi mà người ta học được cái thuật trở thành con người độc đáo của mình, đồng thời biết sống chung với đồng loại; hay nói cách khác, nhà trường là nơi mà mỗi cá nhân đều được quyền sống theo cái sống tự do của mình mà không dẫm lên quyền sống tự do của kẻ khác: nơi dung hòa được một cách điều hòa vấn đề cá nhân và xã hội.

Có mấy nguyên tắc căn bản này mà bất cứ một nền giáo dục chân chính nào cũng phải dựa vào:

1. Mỗi đứa trẻ phải được quyền sống theo cái đời sống của một đứa trẻ trong những môi trường thuận tiện cho sự phát triển tự do đời sống tinh thần và vật chất của chúng một cách đầy đủ, tự nhiên và hạnh phúc.
2. Mỗi đứa trẻ phải có quyền và phương tiện để học hỏi và hiểu biết những gì mà đời sống hàng ngày bắt buộc phải biết.
3. Sự phát triển tự do của xã hội loài người tùy thuộc sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi cá nhân trong đó.
4. Hạnh phúc chung của xã hội loài người bắt buộc mỗi cá nhân phải có tinh thần xã hội cộng đồng, ý thức rõ sự liên quan mật thiết giữa con người và con người: một cái lợi riêng tư nào mà có hại cho quyền lợi của những người chung quanh là một cái TỘI, một sự bất lương đối với toàn thể xã hội loài người nói chung. Sự phân chia ranh giới giữa các quốc gia là một sự phân chia có phần tạm thời và giả tạo. Giai đoạn hiện thời của lịch sử là giai đoạn cộng đồng quốc tế, cho nên dù có lợi cho quốc gia mình mà có hại cho quốc gia khác, vẫn là một trọng tội đối với hòa bình chung của nhân loại. Trước khi ta là một người Việt Nam, một người Trung Quốc, Nhật Bản... ta phải là NGƯỜI. Tất cả những nhà văn hóa và giáo dục trên toàn cõi thế giới ngày nay phải ý thức rõ sứ mạng của mình trong nhân loại. Thế kỷ này là thế kỷ đại đồng, thế kỷ du hành không gian, không còn một vấn đề nào được đơn phương giải quyết trong nội bộ của một quốc gia dân tộc... Hai khối văn minh to nhất của nhân loại là khối Đông và khối Tây không còn là hai bộ phận riêng biệt nữa: nó là hai bộ phận liên đới nhau như Dương và Âm, như hỏa và thủy, như tâm và thận trong châu thân con người. Romain Rolland nói rất chí lý: *Đông và Tây là hai bộ phận của một khối óc chung là Nhân loại. Nếu một bộ phận mà bị tê liệt, thì toàn thể phải suy đồi. Vậy phải cố gắng lập lại sự hợp nhất và phát triển lành mạnh của hai bộ phận ấy*".

Nhà văn hóa và giáo dục chân chính phải vượt lên những thành kiến lạc hậu và ngu dân của óc kỳ thị chia rẽ để có thể nhìn chung các học sinh của mình là những đại diện của một thế giới cộng đồng không phân biệt màu da dân tộc, không phân biệt tôn giáo và đảng phái chính trị. Vấn đề của mỗi quốc gia dân tộc phải là vấn đề chung của mọi quốc gia dân tộc.

Các nhà văn hóa và nhất là các nhà giáo dục ngày nay phải chặn đứng ngay lập tức cái tội ác tày trời mà bấy lâu nay chúng ta đã vô tâm phụ họa: để cho con em dưới quyền hướng dẫn dạy dỗ của mình sống trong một bầu không khí kỳ thị và thù hận lẫn nhau. Tình trạng tôn giáo nước nhà cần phải xét lại. Tôn giáo là hòa hợp, là tình thương, nhưng, trái lại nó đã bị tham vọng chính trị biến thành những sự tranh quyền và thủ đoạn, nguồn gốc của chia rẽ, hận thù, gian ngoan xảo trá, chỉ lợi ích cho một thiểu số hoạt đầu mà di hại không biết chừng nào lũ tín đồ lương thiện, thật thà, nhẹ dạ. Người ta đã bảo “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”, đâu phải là không có lý do.

Điều đáng buồn nhất là vấn đề văn hóa và giáo dục trong nước, từ trước đến giờ chưa vạch ra được một đường hướng rõ ràng: nô lệ hóa con người và xã hội hóa đến cực độ, bất chấp quyền sống tự do của bất cứ ai. Bên này (thế giới gọi là tự do) để đối phó bên kia, lại sa vào cái đối địch của nó: để cho cá nhân phóng túng đến độ không còn biết kỷ cương xã hội gì nữa cả, chỉ biết cái lợi riêng tư của cá nhân mà không đếm xỉa gì đến cái quyền lợi của cộng đồng.

Phải có một sự xét lại các giá trị của thời xưa để lại. Cái nào có những giá trị vĩnh cửu thì giữ gìn, nhưng cũng đừng quên canh tân cho kịp với đà tiến chung của nhân loại ngày nay. Đó là biết giữ luật HẰNG và biết hòa với luật CHUYỂN: hai nguyên lý căn bản chi phối tất cả sự vật trên đời. Hay nói một cách khác: *Dân tộc* và *Khai phóng* phải như một Âm một Dương nghĩa là phải đi chung với nhau luôn, như bảo thủ và cấp tiến. Không có một sinh vật nào có thể tồn tại được ngoài luật HẰNG và CHUYỂN. Văn hóa của một dân tộc giống như một sinh vật: nó có sinh, thành, suy, hủy... Từ xưa đến nay không biết bao nhiêu văn minh đã bị tiêu diệt, chỉ vì biết “*tiến*” mà không biết “*thối*”... Thay vì dùng Âm nhạc để hòa hợp con người, phần đông đã dùng Âm nhạc để ủy mị con người, gieo sự thù hận oán ghét và đề cao chiến tranh, đua nhau ca tụng sắc đẹp đàn bà và ân ái rẻ tiền, lôi kéo thanh thiếu niên vào hố sâu của đam tình như nhóp hơn là tình thương chân thật. Kịch nghệ, thay vì đưa lên sự thông cảm giữa các thế hệ, tình thương trong một xã hội cộng đồng sinh tồn, phân công hợp tác... thì lại chuyên đưa lên những cảnh oán thù chia rẽ, hoặc những câu chuyện tưởng tượng xa rời thực tế trong những xã hội xa xưa, không còn giá trị gì đối với xã hội ngày nay nữa. Là vì phần đông người viết kịch ngày nay còn kém nhiều văn hóa căn bản, lại chỉ lo làm cái việc buôn bán văn hóa

hơn là thi hành sứ mạng của con người làm văn hóa và giáo dục của mình. Tệ hơn nữa, phần đông lại quan niệm văn hóa và giáo dục là hai bộ phận riêng biệt; họ lại hiểu giáo dục là nhồi sọ, văn hóa là mỹ dân. Họ đã quên mất vai trò hướng dẫn của họ. Nhưng làm gì hướng dẫn trong khi chính họ cũng chưa rõ đường hướng chánh của cuộc đời họ!

Văn hóa và giáo dục không làm tròn nhiệm vụ là vì phần lớn do cái nạn chia phân giả tạo trong Chính quyền giữa những Nha Bộ có sự liên hệ chặt chẽ với nhau như các bộ Văn hóa, Giáo dục, Xã hội và Thông tin tuyên truyền. Như trước đây đã nói: Văn hóa, giáo dục, xã hội phải là ba chân vạc, không thể rời nhau. Văn hóa (hay nói cho đúng hơn) đường lối văn hóa phải có được hai môi trường áp dụng là giáo dục và xã hội. Giáo dục là văn hóa áp dụng nơi nhà trường; xã hội là văn hóa áp dụng nơi đại chúng, trong đó bộ Thông tin tuyên truyền phải đóng một vai trò quan trọng với ngành báo chí, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình dưới quyền chỉ huy và kiểm soát của nó. Từ trước đến giờ bao nhiêu việc làm của văn hóa và giáo dục nơi nhà trường đều bị phần đông báo chí, các phim ảnh, các đoàn ca kịch do đa số con buôn văn hóa chủ trương làm hư hỏng cả.

Sự tổ chức toàn diện xã hội phải là điều kiện tất yếu của sự giải phóng toàn diện cá nhân. Nước mà không trong, con cá phải chết ngộp. Tổ chức và lãnh mạnh xã hội là giúp cho cá nhân phát huy được mọi khả năng độc đáo của mình. Nhưng cũng phải có những cá nhân cách mạng được bản thân của mình trước mới mong cải tạo lại thời thế. Đành rằng thời thế tạo anh hùng, nhưng chính anh hùng mới tạo được thời thế. Cách mạng xã hội và cách mạng cá nhân phải đi đôi với nhau.

Hiện thời, không một ai là không nhìn nhận rằng: cần phải có một cuộc *thay cũ đổi mới* trong mọi lãnh vực, chứ không thể cứ mãi vá víu như thế này được nữa.

Thay đổi (cách mạng) là then chốt của toàn thể thế giới ngày nay, nếu muốn sống cho ra lẽ sống trong tự do và hòa bình thực sự. Cho nên, ai mà chả muốn THAY ĐỔI, nhưng (than ôi!) họ lại *chỉ muốn thấy người chung quanh thay đổi trước*. Người xưa thì “tiên trách kỷ, hậu trách bĩ”, ngày nay trái lại “tiên trách bĩ, hậu trách kỷ”, hoặc tệ hơn nữa, muôn sự không hay đều đổ tội cho người chung quanh, đổ tội cho hoàn cảnh, cho xã hội, cho chế độ, cho số mạng... trừ mình ra. Người trên chỉ biết trách kẻ dưới mà không hay: “thượng bất chánh, hạ tắc loạn”. Cũng như người dưới chỉ biết trách người trên, mà không hay trách mình đã, việc gì dù là việc tư riêng cũng khoán trắng cho chính quyền, rồi lại trách chính quyền là ô m đôm, độc tài. Độc tài đâu phải tự nhiên trên trời rớt xuống mà là do sự ươn hèn và ỷ lại của nhân dân kém dân trí và dân khí tạo nên và nuôi dưỡng. Cũng như *lo cho đời* là một chứng bệnh của thời đại ngày nay khiến cho xã hội càng ngày càng thêm rối ren bởi ai cũng tin rằng chỉ có mình là độc quyền thương nước thương dân, độc quyền nắm được chân lý tuyệt đối.

Nếu cần phải có một chương trình Văn hóa và Giáo dục, chương trình ấy phải gồm cả hai phần: phần cứu cánh và phần phương tiện. Phần cứu cánh phải có tánh cách tương đối vĩnh viễn; phần phương tiện phải có tánh cách tạm thời gián đoạn. Và dĩ nhiên phần giai đoạn phải nằm gọn trong phần cứu cánh; những đoạn đường phải là những đoạn đường có tính cách liên tục nhất trí đưa lần đến mục tiêu cuối cùng là giải phóng toàn diện con người. Làm văn hóa và giáo dục không thể nhìn ở quá khứ hoặc hiện tại hay tương lai mà phải có cái nhìn bao trùm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Thời gian và không gian được nhìn chung làm một khối.

Nhà văn Maurice Maeterlinck nhận xét rất đúng: *“Bất cứ một thứ văn minh nào của ngày nay đều chỉ thiên về có một việc: làm cho con người quên mình là con người”*. Nhất là văn minh máy móc ngày nay của Tây phương đang có cái mộng to tát là biến con người thành những bậc thần thánh vạn năng, làm chúa tể vạn vật trước khi giúp họ thành con NGƯỜI.

Tôi rất đồng ý với một nhà văn khác của Tây phương rằng: phê bình kiểm thảo lại tất cả mọi giá trị của nền văn minh nhân loại ngày nay phải là phận sự đầu tiên của bất cứ một trí giả nào trong thế kỷ thứ hai mươi này.

Tình trạng văn hóa và giáo dục hiện nay của đất nước quả thật đáng buồn, nhưng không phải quá bi quan và tuyệt vọng. “Vật cùng tắc biết” mà có “biết” mới có “thông”; có “thông” mới lâu bền được. Hoàn cảnh liên miên chiến tranh khiến cho xã hội lần lần mục nát và sụp đổ. Trong cảnh tượng tăm tối của đêm dài, đã bắt đầu có vài tia sáng của bình minh hứa hẹn một ngày tươi sáng mới. Nhà văn Hermann de Keyserling, như trong Kinh Dịch đã bảo, cũng tin rằng: *“những thời buổi tối tăm nhất lại cũng là những thời buổi mà ánh sáng huy hoàng nhất”*

Sài thành, ngày 01 – 07 – 1960

MỤC LỤC

I VĂN HÓA MIỀN NAM VIỆT NAM HIỆN ĐANG ĐI ĐẾN ĐÂU VÀ SẼ ĐI VỀ ĐÂU?	1
II ĐẶT LẠI NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI NGÀY NAY	4
TÌNH TRẠNG BI ĐÁT HIỆN THỜI CỦA MỘT XÃ HỘI VÀ NỀN VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC BỊ PHÁ SẴN	17
TRAO ĐỔI VĂN HÓA.....	21
NHỮNG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CĂN BẢN CẦN THIẾT NHẤT....	26
CHƯƠNG THỨ HAI	31
II ĐƯỜNG LỐI GIÁO DỤC NGÀY NAY PHẢI NHƯ THẾ NÀO?.....	32
TẠM KẾT LUẬN	46